

UBND TỈNH BẮC GIANG  
SỞ TƯ PHÁP

**CẨM NANG  
XÂY DỰNG XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN  
ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

*Bắc Giang, năm 2018*



## LỜI NÓI ĐẦU

Từ thực tiễn đánh giá việc xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2017, toàn tỉnh chỉ có 130/230 xã, phường, thị trấn đã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, còn 100 xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2017. Qua tổng hợp báo cáo từ các địa phương, một số cấp ủy, chính quyền cấp xã chưa thực sự chú trọng và hiểu được mục đích ý nghĩa của việc xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, việc tổ chức triển khai còn chủ quan, mang tính hình thức; việc chỉ đạo thực hiện công tác đánh giá các tiêu chí ở một số xã chưa kịp thời, chưa chú trọng đến xây dựng, thực hiện các tiêu chí mà chỉ chú trọng việc đánh giá các tiêu chí chuẩn tiếp cận pháp luật; việc chấm điểm đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật ở một số xã chưa thực sự phản ánh đúng với tình hình thực tiễn tại địa phương. Công tác xây dựng, đánh giá chuẩn tiếp cận còn nhiều lúng túng, vướng mắc.

Với mục đích trang bị cho các cơ quan, đơn vị, công chức được giao theo dõi tham mưu thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nắm rõ các quy định của pháp luật và có kỹ năng thực hiện nhiệm vụ đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang biên soạn cuốn tài liệu “***Cẩm nang xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật***”. Cuốn tài liệu gồm 04 phần:

*Phần thứ nhất:* Những vấn đề cơ bản về xây dựng, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

*Phần thứ hai:* Nghiệp vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

*Phần thứ ba:* Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật

*Phần thứ tư:* Các văn bản và phụ lục về đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật

Trong quá trình biên soạn tài liệu không tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được sự trao đổi, chia sẻ và góp ý của quý bạn đọc để chúng tôi hoàn chỉnh tài liệu hơn, phục vụ tốt nhất cho cơ sở.

Sở Tư pháp trân trọng giới thiệu!

**SỞ TƯ PHÁP TỈNH BẮC GIANG**

**Phần thứ nhất**  
**NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ XÂY DỰNG,**  
**ĐÁNH GIÁ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN**  
**TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

**I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA, VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA**  
**VIỆC XÂY DỰNG, ĐÁNH GIÁ CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN**  
**TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

**1. Mục đích, ý nghĩa**

Từ thực tiễn triển khai đánh giá, công nhận, xây dựng xã, phường, thị trấn (cấp xã) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong thời gian qua cho thấy, đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý nhà nước, nhất là tại cơ sở trong khi Đảng, Nhà nước đang chủ trương xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động và nền hành chính hiện đại, phục vụ Nhân dân.

Có thể nhận thấy mục đích và ý nghĩa của việc xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ở một số điểm như sau:

a) Nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền được thông tin về pháp luật; kịp thời tháo gỡ mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị trong thi hành pháp luật trên địa bàn cấp xã.

b) Tổ chức và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành Hiến pháp, pháp luật, quản lý nhà nước và xã hội bằng pháp luật. Qua việc tổ chức đánh giá, công nhận và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm bắt thực trạng, đề xuất

giải pháp khắc phục hạn chế, tồn tại trong quản lý, tổ chức thực hiện các tiêu chí và chỉ tiêu tiếp cận pháp luật. Kết quả chấm điểm, đánh giá các tiêu chí tiếp cận pháp luật chính là kết quả việc thực hiện nhiệm vụ của cấp xã trên các lĩnh vực: Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật; thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và thực hiện dân chủ ở cơ sở. Từ đó, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã trong thực thi công vụ.

c) Cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Hiến pháp năm 2013 quy định: công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với các cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân.

d) Là một nội dung thành phần trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020<sup>1</sup> (Đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân) và là tiêu chí thành phần của Bộ Tiêu chí quốc

---

<sup>1</sup> Ban hành kèm theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ

gia về xã nông thôn mới<sup>2</sup> (Tiêu chí 18.5: Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định), việc xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật sẽ góp phần góp phần xây dựng nông thôn mới, cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa pháp lý của người dân khu vực nông thôn.

## **2. Vị trí, vai trò**

Nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật có vị trí, vai trò quan trọng đối với quản lý nhà nước, quản lý xã hội, trong đó có xây dựng nông thôn mới.

*Trước hết, đối với quản lý nhà nước* và chỉ đạo triển khai nhiệm vụ của cơ sở, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật có tác động trực tiếp đến hoạt động của chính quyền các cấp, nhất là cấp xã. Việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật sẽ giúp chính quyền cấp xã thấy được những tồn tại, hạn chế trong chỉ đạo, điều hành, triển khai các nhiệm vụ chuyên môn để có giải pháp khắc phục, thực hiện đạt kết quả tốt hơn. Qua đánh giá, công nhận, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật còn góp phần tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước, thực thi nhiệm vụ chuyên môn của chính quyền cấp xã; nâng cao ý thức trách nhiệm, hiệu quả thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã; đồng thời đề xuất, kiến nghị hoàn thiện thể chế, chính sách về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, cũng như

---

<sup>2</sup> Ban hành kèm theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ

công tác thi hành pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

*Đối với quản lý xã hội, nội dung của các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật đều có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các tổ chức, cá nhân trong xã hội. Việc chấm điểm, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu chính là chấm điểm, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền và phạm vi của chính quyền và cán bộ, công chức cấp xã (có nhiệm vụ mang tính quản lý, có nhiệm vụ tổ chức thực hiện trực tiếp...). Qua thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và xây dựng, đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, các tổ chức, cá nhân sẽ được bảo đảm thực hiện quyền của mình, nhất là các nhóm quyền như: Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội; thực hiện đúng pháp luật giải quyết khiếu nại, tố cáo; quyền tiếp cận thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; bảo đảm giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của cấp xã đúng quy định; được giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn thông qua hòa giải ở cơ sở; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội và phát huy dân chủ ở cơ sở...*

*Việc bổ sung “xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật” là tiêu chí thành phần của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 đã khẳng định rõ vị trí, vai trò quan trọng của nhiệm vụ này nói riêng và pháp luật nói chung trong xây dựng nông thôn mới và thực hiện chủ trương “Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn...xã hội nông thôn ổn định, giàu bản*



*sắc văn hoá dân tộc; dân trí được nâng cao...*” của Đảng và Nhà nước ta<sup>3</sup>; giữ vững mục tiêu bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội khu vực nông thôn, đồng thời có biện pháp hạn chế tiêu cực, tệ nạn xã hội; giải quyết có hiệu quả, kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp trên địa bàn dân cư.

### **3. Vị trí của tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020**

Nhận thức được vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vấn đề xây dựng nông thôn mới được Đảng, Nhà nước ta quan tâm, coi trọng. Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương khóa X đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nghị quyết đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp nhằm xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển các đô thị; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của dân cư nông thôn, nhất là vùng khó khăn... và xác định rõ giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Trước yêu cầu đó, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 về việc ban hành Bộ

---

<sup>3</sup> Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (một số tiêu chí được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013) và Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020. Mục tiêu của Chương trình nhằm xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bộ tiêu chí được thực hiện để đánh giá, xây dựng xã, huyện, tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2015 gồm 19 tiêu chí và 39 chỉ tiêu thành phần, trong đó phần lớn các tiêu chí, chỉ tiêu về hạ tầng, cơ sở vật chất; ít các tiêu chí, chỉ tiêu về văn hóa, **không có** tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật. Điều đó thể hiện tinh thần thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất đi trước một bước, phù hợp với giai đoạn trước.

Tuy nhiên, bước sang giai đoạn 2016 - 2020, trước yêu cầu xây dựng nông thôn mới gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thi hành công vụ của chính quyền các cấp ở địa phương, thực hiện tốt quyền con người, quyền công dân, ngày 16/8/2016 Thủ tướng Chính phủ đã ký, ban hành Quyết định số 1600/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình

mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 (sau đây gọi là Quyết định số 1600/QĐ-TTg) với mục tiêu tổng quát “*Xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; quốc phòng và an ninh, trật tự được giữ vững*”. Bộ Tư pháp được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì, hướng dẫn thực hiện “*đánh giá, công nhận, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân*” trong nội dung thành phần thứ 9 về “Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân”.

Ngày 17/10/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1980/QĐ-TTg về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 (sau đây gọi là Quyết định số 1980/QĐ-TTg), theo đó, Bộ Tư pháp được giao chủ trì, hướng dẫn tiêu chí thành phần 18.5 về “*Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định*”. Bộ tiêu chí đã cụ thể hóa nội dung định hướng xây dựng xã nông thôn mới thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa;

là căn cứ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, là chuẩn mực để các xã lập kế hoạch phấn đấu đạt 19 tiêu chí nông thôn mới. Bên cạnh đó, Bộ tiêu chí cũng là căn cứ để chỉ đạo, đánh giá công nhận xã đạt nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và đánh giá trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền xã trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 gồm 5 nhóm tiêu chí, 19 tiêu chí, 49 chỉ tiêu (tăng hơn 10 chỉ tiêu thành phần so với Bộ tiêu chí giai đoạn 2010 - 2015), cụ thể như sau:

**1.** Nhóm tiêu chí quy hoạch gồm tiêu chí quy hoạch với 02 chỉ tiêu;

**2.** Nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội gồm 08 tiêu chí: Giao thông; Thủy lợi; Điện; Trường học; Cơ sở vật chất văn hóa; Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; Thông tin và Truyền thông; Nhà ở và dân cư với 19 chỉ tiêu;

**3.** Nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất gồm 04 tiêu chí: Thu nhập; Hộ nghèo; Lao động có việc làm và Tổ chức sản xuất với 05 chỉ tiêu;

**4.** Nhóm tiêu chí văn hóa - xã hội - môi trường gồm 04 tiêu chí: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Văn hóa; Môi trường và An toàn thực phẩm với 15 chỉ tiêu;

5. Nhóm tiêu chí hệ thống chính trị gồm 02 tiêu chí: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật; Quốc phòng và An ninh với 08 chỉ tiêu, trong đó nội dung tiếp cận pháp luật là chỉ tiêu số 5 của tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: “18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định”.

Như vậy, một trong những điểm mới quan trọng của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 là đã bổ sung vào tiêu chí thứ 18 “Hệ thống chính trị và pháp luật” tiêu chí thành phần 18.5 về “Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định”. Lần đầu tiên chuẩn tiếp cận pháp luật được xác định và trở thành một trong nội dung của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020<sup>4</sup>. Điều đó có nghĩa là kết quả xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là tiêu chí đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm gắn kết, thực hiện toàn diện các mục tiêu, nội dung xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở, nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, đồng thời tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền

---

<sup>4</sup> Đây là 1 trong 10 sự kiện nổi bật của Ngành Tư pháp năm 2016 được ghi nhận tại Quyết định số 2700/QĐ-BTP ngày 31/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt và công bố 10 sự kiện nổi bật năm 2016 của Ngành Tư pháp

xã; đáp ứng yêu cầu tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật, khẳng định vai trò của pháp luật và ngành Tư pháp trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ký, ban hành Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, trong đó quy định về các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, nội dung xây dựng, thẩm quyền, quy trình và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Để hướng dẫn thực hiện cụ thể Quyết định số 619/QĐ-TTg, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 07/TT-BTP ngày 28/7/2017 quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật là căn cứ để xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới có tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích và nâng cao năng lực tiếp cận pháp luật cho người dân, thúc đẩy thực hiện toàn diện mục tiêu cải thiện, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân mà Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới đề ra. Điểm cần lưu ý ở đây là Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định việc xây dựng, đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật không chỉ đối với các xã mà áp dụng cho cả các phường và

thị trấn trong cả nước. Vì vậy, đối với các xã đăng ký xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới thì khi đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cần đặt trong tổng thể các quy định về xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, đảm bảo gắn kết, đồng bộ, thống nhất các nhiệm vụ được giao.

#### **4. Biện pháp bảo đảm thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới**

Việc đánh giá, công nhận, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn kết với xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới là một nhiệm vụ mới, vì vậy, để triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ này, cần bảo đảm các điều kiện sau đây:

##### ***4.1. Thực hiện quán triệt, phổ biến, truyền thông để nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nói chung, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nói riêng***

Các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư cần nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, ý nghĩa của việc triển khai xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với đánh giá, xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới để từ đó thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ có liên quan, tổ chức thực thi tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn của mỗi địa phương, hoạt động quán triệt, phổ biến, thông tin, truyền thông có thể thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: tổ chức các chương trình, phóng sự truyền thông trên Đài Phát thanh, Truyền hình; mở chuyên mục, đăng tải tin, bài trên các báo viết, báo điện tử, trang tin điện tử hoặc các hình thức phù hợp khác như: lồng ghép trong các hội nghị, hội thảo, tập huấn ... Thông qua đó, phổ biến, quán triệt sâu sắc nội dung, nhiệm vụ, quy định của Đảng, Nhà nước về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới đến toàn thể cán bộ, công chức và nhân dân mà trước hết là đội ngũ công chức đầu mối, trực tiếp được giao thực hiện nhiệm vụ đánh giá, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật .

Việc thực hiện tốt các hoạt động thông tin, truyền thông nhằm thống nhất nhận thức, nâng cao trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn và tổ chức thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, không phô trương, hình thức.

#### ***4.2. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động xác định nội dung công việc cần triển khai, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng đầu mối thực hiện***

Kế hoạch đảm bảo những nội dung sau:

*a) Đối với Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:*

- Các hoạt động quán triệt, truyền thông bằng hình thức cụ thể đề cập tại mục 3.1; việc tổ chức tập huấn, hướng



dẫn nghiệp vụ, tọa đàm (nếu có) căn cứ điều kiện thực tiễn địa phương.

- Việc chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện nhiệm vụ đánh giá, chấm điểm, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề ra giải pháp khắc phục, cải thiện, tổ chức thực hiện có hiệu quả các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

- Chỉ đạo rà soát, đề xuất, sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ xây dựng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan tư pháp địa phương; chỉ đạo rà soát, xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định về kinh phí và mức chi cho nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

- Phân công nhiệm vụ cho các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, trong đó giao Sở Tư pháp là đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn triển khai nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh, thành phố;

- Quy định và hướng dẫn cụ thể theo thẩm quyền kinh phí và mức chi cho nhiệm vụ cấp xã địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Việc tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện nhiệm vụ

xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh, thành phố;

*b) Đối với Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp huyện:*

- Việc chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ tự đánh giá, chấm điểm; đề ra giải pháp khắc phục, cải thiện, tổ chức thực hiện có hiệu quả các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Phân công nhiệm vụ cho các Phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể; giao Phòng Tư pháp là đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện việc đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Việc thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng; việc thẩm tra, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Quy định về bảo đảm kinh phí và mức chi cho nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định về phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Việc tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết, đánh giá, báo cáo cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn cấp huyện.

*c) Đối với Kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã:*

- Việc triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Phân công cụ thể trách nhiệm theo dõi, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật cho 07 chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã; giao công chức Tư pháp – Hộ tịch là đầu mối tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Việc tổ chức thực hiện đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã.

- Về kinh phí tổ chức thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước;

- Các vấn đề khác (nếu có).

### ***4.3. Kiện toàn, nâng cao năng lực nghiệp vụ cho đội ngũ công chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật***

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và điều kiện thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đánh giá, chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật và công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, xã đạt chuẩn nông thôn mới cho đội ngũ cán bộ, công chức được giao theo dõi, triển khai đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới. Qua đó nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ, chất lượng nguồn nhân lực thực hiện

nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn pháp luật, góp phần vào việc thực hiện thành công nhiệm vụ này.

#### ***4.4. Bố trí kinh phí triển khai nhiệm vụ được giao***

##### **a) Nguồn vốn, kinh phí thực hiện**

Kinh phí xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được bảo đảm, bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của các cơ quan, tổ chức liên quan và các địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ưu tiên bố trí kinh phí để hỗ trợ cấp xã còn nhiều chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành. Ngoài ra, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Đối với các xã thực hiện xét công nhận, xây dựng nông thôn mới thì nguồn kinh phí cho nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được cấp chung trong tổng thể nguồn vốn triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới. Sở Tư pháp phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân và Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh cấp kinh phí tổ chức triển khai thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong tổng thể kinh phí xây dựng nông thôn mới để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phân bổ để làm căn cứ chỉ đạo, điều hành cụ thể.

## b) Cơ chế quản lý, sử dụng vốn, kinh phí

Việc phân bổ, cơ chế lập, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán vốn, kinh phí của nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện thống nhất với các quy định về xây dựng nông thôn mới. Khi đề xuất, lập dự toán kinh phí triển khai thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới cần căn cứ vào các văn bản sau:

- Luật ngân sách nhà nước năm 2015;
- Luật Đầu tư công năm 2013;
- Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

- Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về thanh toán, quyết toán nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020;

- Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020; Thông tư liên tịch số

51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011;

- Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở..v.v..

***4.5. Tổ chức kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá thực tiễn thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ được giao gắn với xây dựng nông thôn mới***

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Ủy ban nhân dân cấp các cấp tổ chức kiểm tra, giám sát và tổ chức sơ kết, tổng kết nhằm đánh giá kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ đối với Ủy ban nhân dân cấp dưới để kịp thời phát hiện những vướng mắc, bất cập, vấn đề mới phát sinh, từ đó có giải pháp khắc phục; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoàn thiện thể chế, chính sách về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đảm bảo gắn kết, thống nhất, đồng bộ với các chủ trương, chính sách về xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận trên địa bàn (trình tự, thủ tục, thời hạn, hồ sơ đánh giá cấp xã đạt

chuẩn tiếp cận pháp luật, hoạt động của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật, điều kiện bảo đảm...), kịp thời phát hiện và hướng dẫn giải quyết những khó khăn, bất cập.

Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã trên địa bàn, tập trung vào nhiệm vụ tự đánh giá, chấm điểm của cấp xã, thời hạn, trình tự, thủ tục đánh giá...; đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các sáng kiến, giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp cận pháp luật của người dân trên địa bàn.

Ủy ban nhân dân cấp xã cần quan tâm kiểm tra việc theo dõi, tự đánh giá, chấm điểm của công chức chuyên môn được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật đảm bảo thực chất, khách quan; chỉ đạo, hướng dẫn công chức chuyên môn đề xuất các giải pháp khắc phục, cải thiện, thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật trong phạm vi nhiệm vụ được giao phù hợp điều kiện đặc thù của địa bàn cấp xã./.

## **II. QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

### **1. Quy trình đánh giá của cấp xã**

*1.1. Bước 1: Rà soát, theo dõi, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật*

a) Nội dung công việc: Rà soát, theo dõi, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật theo lĩnh vực quản lý và được giao theo dõi.

b) Người thực hiện: Công chức chuyên môn cấp xã được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật

(gắn với lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ chuyên môn của công chức).

c) Thời hạn thực hiện:

- Việc rà soát, theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu thực hiện thường xuyên, liên tục, hằng năm, có thể theo định kỳ hàng tháng, quý, 06 tháng hoặc năm một lần.

- Thời hạn hoàn thành việc rà soát, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật hằng năm: Trước ngày 31/12 của năm đánh giá.

d) Kết quả thực hiện: Bảng chấm điểm kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu (theo mẫu số 01 Thông tư số 07/2017/TT-BTP).

*1.2. Bước 2: Tổng hợp kết quả chấm điểm, dự thảo Báo cáo tự đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*

a) Nội dung công việc:

- Tổng hợp kết quả trên cơ sở kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật của công chức cấp xã theo lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được giao theo dõi.

- Xây dựng Báo cáo tự đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Báo cáo tự đánh giá).

b) Người thực hiện: Công chức Tư pháp - Hộ tịch.

c) Kết quả thực hiện:

- Bảng tổng hợp chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật theo Mẫu 01-TCPL-II.

- Dự thảo Báo cáo tự đánh giá theo Mẫu 05 -TCPL-II.



- Tổ chức họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật dưới sự chủ trì của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

*1.3. Bước 3: Họp đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*

a) Nội dung công việc:

- Hoàn thiện Bảng tổng hợp, dự thảo Báo cáo tự đánh giá.
- Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan và dự kiến những vấn đề trọng tâm phục vụ họp đánh giá.
- Tham mưu, đề xuất thành phần tham dự họp đánh giá.
- Tổ chức họp cho ý kiến về kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Người thực hiện:

- Chủ trì họp: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Công chức Tư pháp – Hộ tịch, Văn phòng - Thống kê có trách nhiệm tham mưu, chuẩn bị nội dung, tài liệu có liên quan phục vụ họp đánh giá.

- Thành phần tham dự: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, gồm: các công chức chuyên môn của cấp xã được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; mời đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh) dự họp.

c) Trình tự tiến hành họp:

- Công chức Tư pháp – Hộ tịch trình bày Báo cáo tự đánh giá.

- Người tham dự cuộc họp cho ý kiến về kết quả tự chấm điểm các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật.

- Các công chức chuyên môn cấp xã được giao theo dõi các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật có thể giải trình kết quả theo dõi, tự chấm điểm các chỉ tiêu, tiêu chí; nêu lên khó khăn, vướng mắc, hạn chế và đề xuất các giải pháp thực hiện.

- Chủ trì cuộc họp kết luận cuộc họp.

d) Kết quả thực hiện:

- Biên bản họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Hoàn thiện Bảng tổng hợp chấm điểm, Báo cáo tự đánh giá.

- Chuẩn bị hồ sơ đề đề nghị xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nếu đủ điều kiện theo quy định.

đ) Lưu ý: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thể ủy quyền cho một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì cuộc họp nếu có lý do chính đáng không thể chủ trì cuộc họp.

*1.4. Bước 4: Lập hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.*

a) Nội dung công việc:

- Xem xét các điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Lập hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (nếu đủ điều kiện theo quy định), bao gồm:

(1) Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã theo Mẫu 04 -TCPL-II

(2) Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm theo Mẫu 01-TCPL-II

(3) Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân theo Mẫu 03 -TCPL-II

(4) Công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nếu xét thấy đủ điều kiện theo Mẫu 05 - TCPL-II

(5) Tài liệu khác (nếu có) như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định... để xác định, chứng minh mức độ tin cậy của việc đánh giá, tự chấm điểm từng tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

b) Người thực hiện: Công chức Tư pháp – Hộ tịch.

c) Kết quả thực hiện: Hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

d) Lưu ý: Trường hợp không đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định, cấp xã không phải lập hồ sơ nhưng phải gửi báo cáo đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và đề xuất các giải pháp phấn đấu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật để Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

*1.5. Bước 5: Hoàn thiện, gửi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*

a) Nội dung công việc:

- rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Phê duyệt hồ sơ.

- Gửi hồ sơ đến Phòng Tư pháp cấp huyện.

b) Người thực hiện:

- Công chức Tư pháp – Hộ tịch: Rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ; gửi hồ sơ sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Xem xét, phê duyệt hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

c) Kết quả thực hiện: Hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Phòng Tư pháp cấp huyện.

\* **Lưu ý:** Thời hạn cuối cùng để hoàn thành các công việc tự đánh giá của cấp xã từ bước 1 đến bước 5 nêu trên phải trước ngày 05/01 của năm liền kề sau năm đánh giá. Trên cơ sở thời hạn chung này, căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, cấp xã có thể lượng hóa, xác định cụ thể thời hạn phải hoàn thành công việc ở mỗi bước, nhằm nâng cao trách nhiệm của người chủ trì thực hiện, tránh dồn việc nhưng phải đảm bảo hài hòa.

## **2. Quy trình xem xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp huyện**

### **2.1. Các công việc phục vụ việc xem xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp huyện**

a) Tiếp nhận, kiểm tra sơ bộ hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Thẩm tra hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

c) Tổ chức kiểm tra trực tiếp cấp xã (nếu cần thiết), yêu cầu cung cấp, bổ sung tài liệu có liên quan hoặc báo cáo, giải trình bổ sung để làm rõ các vấn đề có liên quan.

c) Xây dựng báo cáo thẩm tra.

đ) Tổ chức họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật.

e) Rà soát, lập các danh sách cấp xã đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

g) Dự thảo Quyết định công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

h) Chính lý, hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét.

i) Quyết định công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

k) Báo cáo kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và đề xuất các giải pháp gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau khi kết thúc đánh giá hằng năm.

## ***2.2. Quy trình xem xét, công nhận***

### ***2.2.1. Bước 1: Tiếp nhận, kiểm tra sơ bộ hồ sơ***

a) Nội dung công việc

- Tiếp nhận, vào sổ theo dõi hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Kiểm tra sơ bộ hồ sơ, yêu cầu bổ sung, hoàn thiện theo quy định (nếu có).

b) Cơ quan thực hiện: Phòng Tư pháp.

c) Thời hạn thực hiện: Có thể thực hiện kiểm tra, xử lý ngay, trong ngày nhận được hồ sơ, đảm bảo phù hợp trong thời

hạn chung của quy trình xem xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

d) Kết quả thực hiện: Hồ sơ được tiếp nhận, đưa vào sổ theo dõi.

### 2.2.2. Bước 2: Thẩm tra hồ sơ

a) Nội dung công việc:

- Thẩm tra kết quả tự đánh giá, các điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã.

- Xây dựng báo cáo hoặc văn bản thẩm tra hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Phối hợp, huy động các cơ quan, tổ chức có liên quan đến các lĩnh vực quản lý thuộc nội dung các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật để đánh giá, cho ý kiến về những vấn đề có liên quan (nếu cần thiết).

- Tổng hợp, lập danh sách cấp xã đủ điều kiện được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Mẫu 07 -TCPL-II; danh sách cấp xã chưa đủ điều kiện được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Mẫu 08 -TCPL-II.

b) Cơ quan thực hiện: Phòng Tư pháp.

c) Thời hạn thực hiện: Trước khi tổ chức họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật cấp huyện.

d) Kết quả thực hiện: Báo cáo hoặc văn bản thẩm tra của Phòng Tư pháp được bổ sung vào hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

đ) Lưu ý: Trong quá trình thẩm tra hồ sơ, nếu thấy hồ sơ có nội dung chưa rõ, Phòng Tư pháp đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân

cấp xã bổ sung, làm rõ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu.

2.2.3. Bước 3: Họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật cấp huyện.

a) Nội dung công việc:

- Chuẩn bị nội dung, tài liệu, các vấn đề trọng tâm xin ý kiến Hội đồng;

- Gửi giấy mời triệu tập kèm hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc tư vấn, cho ý kiến công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Cho ý kiến về kết quả đánh giá, đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề xuất giải pháp thực hiện.

- Lập biên bản họp Hội đồng.

b) Cơ quan, người thực hiện:

- Phòng Tư pháp: tham mưu tổ chức họp Hội đồng; chuẩn bị giấy mời, nội dung, tài liệu họp; dự thảo biên bản họp.

- Chủ tịch Hội đồng triệu tập, chủ trì họp.

- Thành viên Hội đồng: tư vấn, cho ý kiến kết quả đánh giá, đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề xuất các giải pháp thực hiện sau khi kết thúc đánh giá hằng năm.

c) Kết quả thực hiện: Biên bản họp Hội đồng.

*2.2.4. Bước 4: Hoàn thiện hồ sơ, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*

a) Nội dung công việc:

- Hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan trên cơ sở tiếp thu ý kiến Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật cấp huyện đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Xây dựng Tờ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xem xét, quyết định công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, kèm theo danh sách cấp xã đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và danh sách cấp xã chưa đủ điều kiện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Dự thảo Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Người thực hiện: Phòng Tư pháp.

c) Kết quả thực hiện: Hồ sơ, tờ trình, dự thảo Quyết định kèm theo danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được hoàn thiện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

*2.2.5. Bước 5: Xem xét, quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*

a) Nội dung công việc: Xem xét, ký Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

b) Người thực hiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được ban hành kèm theo danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.



\* **Lưu ý:** Thời hạn cuối cùng để hoàn thành các công việc trong quy trình xem xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã từ bước 3 đến bước 5 nêu trên phải trước ngày 25/01 của năm liền kề sau năm đánh giá. Trên cơ sở thời hạn chung này, căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, cấp huyện có thể lượng hóa, xác định cụ thể thời hạn phải hoàn thành công việc ở mỗi bước, nhằm nâng cao trách nhiệm của người chủ trì thực hiện, tránh dồn việc nhưng phải đảm bảo hài hòa.

### **3. Đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

#### **3.1. Thời hạn thực hiện**

Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định thời hạn thực hiện đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bao gồm: (1) Thời hạn để xác định kết quả, chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật và (2) Thời hạn thực hiện quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

#### **3.2. Điều kiện xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Cấp xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi có đủ các điều kiện sau đây (được cụ thể hóa tại Mục II Phần thứ hai của Sổ tay):

- (1) Không có tiêu chí nào dưới 50% tổng số điểm tối đa.
- (2) Tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải đạt từ 90% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại I, từ 80% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại II và từ 70% số điểm tối đa trở lên đối với cấp xã loại III.

(3) Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã phải đạt từ 80% trở lên.

(4) Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.

#### **4. Nội dung xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Theo Nghị định số 96/2017/NĐ-CP, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp. Điều 4 Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định nội dung xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, bao gồm:

4.1. Xây dựng, ban hành chính sách, pháp luật; chương trình, kế hoạch triển khai, thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân;

4.2. Tuyên truyền, phổ biến nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, chính quyền các cấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân về vị trí, vai trò, ý nghĩa của xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

4.3. Rà soát, đánh giá việc thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật; công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề ra giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, cải thiện khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở;

4.4. Chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng, nguồn nhân lực làm công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

4.5. Lồng ghép xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong chương trình, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và xóa đói, giảm nghèo;

4.6. Sơ kết, tổng kết, thống kê, báo cáo, theo dõi kết quả, kiểm tra, khen thưởng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

## **5. Các tiêu chí tiếp cận pháp luật**

**5.1. Nội dung của các tiêu chí:** Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định 05 tiêu chí thành phần cấu thành tiêu chí tiếp cận pháp luật. Đây là công cụ để đánh giá kết quả, là cơ sở để xác định trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong thực thi công vụ. Kết quả đánh giá là cơ sở để xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Tiêu chí 1: Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật

Tiêu chí này gồm 03 chỉ tiêu, có tổng số điểm tối đa 15 điểm, nội dung đánh giá trọng tâm là kết quả thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của cấp xã và kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật tại địa phương; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo.

- Tiêu chí 2: Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã

Tiêu chí này gồm 05 chỉ tiêu, có tổng số điểm tối đa 30 điểm, nội dung đánh giá trọng tâm là kết quả thực hiện các nhiệm vụ về công khai thủ tục hành chính; bảo đảm nguồn lực (bố trí địa điểm, công chức) để tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo thẩm quyền; kết quả giải quyết các thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Tiêu chí 3: Phổ biến, giáo dục pháp luật

Tiêu chí này gồm 09 chỉ tiêu, có tổng số điểm tối đa 25 điểm, nội dung đánh giá trọng tâm là kết quả thực hiện các nhiệm vụ về công khai văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân; cung cấp thông tin pháp luật; lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; quán triệt, phổ biến văn bản, chính sách mới cho cán bộ, công chức; triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân, đối tượng đặc thù; sử dụng các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật; đối thoại chính sách, pháp luật; bảo đảm kinh phí cho phổ biến, giáo dục pháp luật.

- Tiêu chí 4: Hòa giải ở cơ sở

Tiêu chí này gồm 03 chỉ tiêu, có tổng số điểm tối đa 10 điểm, nội dung đánh giá trọng tâm là kết quả thực hiện các nhiệm vụ về củng cố, kiện toàn tổ hòa giải; bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ hòa giải, nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở; giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật

thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở; bảo đảm kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải.

- Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ ở cơ sở

Tiêu chí này gồm 05 chỉ tiêu, có tổng số điểm tối đa 20 điểm, nội dung đánh giá trọng tâm là kết quả thực hiện các nhiệm vụ về công khai, minh bạch các nội dung về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định; kết quả thực hiện các nội dung cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp hoặc được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định; Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định; Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát.

### **III. ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

#### **1. Điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Theo quy định tại Điều 6 Quyết định số 619/QĐ-TTg, cấp xã được xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật khi đáp ứng đủ 04 điều kiện như sau:

##### ***1.1. Điều kiện 1. Không có tiêu chí nào dưới 50% số điểm tối đa***

Để có đủ điều kiện, số điểm đạt được của từng tiêu chí là:

- Tiêu chí 1. Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật: đạt từ 7,5 điểm trở lên.

- Tiêu chí 2. Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã: đạt từ 15 điểm trở lên

- Tiêu chí 3. Phổ biến, giáo dục pháp luật: đạt từ 12,5 điểm trở lên

- Tiêu chí 4. Hòa giải ở cơ sở: đạt từ 5 điểm trở lên

- Tiêu chí 5. Thực hiện dân chủ ở cơ sở: đạt từ 10 điểm trở lên

Nếu có một hoặc một số chỉ tiêu, nội dung thành phần của tiêu chí đạt dưới 50% số điểm tối đa theo quy định nhưng tổng số điểm của tiêu chí đó không dưới 50% số điểm tối đa thì vẫn đáp ứng điều kiện này.

**1.2. Điều kiện 2. Tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật phải đạt mức điểm chuẩn** cụ thể như sau:

- Cấp xã loại I: đạt từ 90% số điểm tối đa trở lên ( $\geq$  90 điểm)

- Cấp xã loại II: đạt từ 80% số điểm tối đa trở lên ( $\geq$  80 điểm)

- Cấp xã loại III: đạt từ 70% số điểm tối đa trở lên ( $\geq$  70 điểm)

Việc phân loại cấp xã loại I, loại II, loại III được thực hiện theo Nghị quyết số 12/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

**1.3. Điều kiện 3. Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính (đạt từ 80% số điểm tối đa trở lên.**

Đây còn là một chỉ tiêu của tiêu chí tiếp cận pháp luật (chỉ tiêu 5 của Tiêu chí 2). Vì vậy, kết quả đánh giá sự hài lòng vừa là điều kiện để xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp

luật của cấp xã, vừa được cộng điểm để tính vào điểm số chung của các tiêu chí tiếp cận pháp luật. Điểm số tối đa của chỉ tiêu này là 12 điểm, theo đó để đảm bảo điều kiện này thì kết quả điểm số đạt được của chỉ tiêu này trên thực tế phải tương ứng từ 8 điểm trở lên.

***1.4. Điều kiện 4. Trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức từ cảnh cáo trở lên do vi phạm pháp luật trong thực thi công vụ hoặc phải bồi thường thiệt hại do hành vi công vụ trái pháp luật gây ra.***

Khi xem xét điều kiện này, cần lưu ý một số yếu tố về:

a) Hình thức xử lý kỷ luật cán bộ, công chức phải từ cảnh cáo trở lên.

b) Hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức phải liên quan đến thực thi công vụ, đó là hành vi không thực hiện hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn không đúng quy định của pháp luật trong quá trình thực thi công vụ.

c) Hành vi công vụ trái pháp luật của cán bộ, công chức đã gây ra thiệt hại, phải bồi thường thiệt hại. Việc bồi thường này được xác định trong quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc trong bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

**2. Thẩm quyền công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

#### **IV. THỜI HẠN ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Có 02 loại thời hạn có liên quan trực tiếp đến đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

**1.** Thời hạn được tính để đánh giá kết quả, trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ đã được cụ thể hóa thành các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật. Thời hạn này được xác định theo năm kinh tế - xã hội, tính từ ngày 01/01 đến 31/12 hằng năm.

Việc quy định thời hạn đánh giá kết quả các tiêu chí tiếp cận pháp luật theo năm kinh tế - xã hội để bảo đảm phù hợp với thời điểm báo cáo số liệu, kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của địa phương. Do đó không đòi hỏi địa phương phải xây dựng báo cáo mới mà sẽ sử dụng kết quả báo cáo nhiệm vụ chuyên môn trong các lĩnh vực quản lý.

**2.** Thời hạn được tính để thực hiện rà soát, chấm điểm, đánh giá, xét công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật:

2.1. Đối với việc rà soát, chấm điểm, đánh giá các tiêu chí tiếp cận pháp luật; lập hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nếu đủ điều kiện theo quy định: Đây là nhiệm vụ được thực hiện tại cấp xã và thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã. Nhiệm vụ này phải hoàn thành trước ngày 05/01 của năm sau liền kề năm đánh giá.

2.2. Đối với việc xét, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đây là nhiệm vụ được thực hiện tại cấp huyện và thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.



Nhiệm vụ này phải hoàn thành trước ngày 25/01 của năm sau liền kề năm đánh giá.

\* Khi triển khai thực hiện nhiệm vụ, cần lưu ý như sau:

- Việc đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật; xem xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là nhiệm vụ được thực hiện liên tục, hằng năm, gắn với đánh giá kết quả, trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của cấp xã về các lĩnh vực quản lý đã được cụ thể hóa trong các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

- Về thời hạn thực hiện rà soát, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Quyết định số 619/QĐ-TTg quy định theo hướng linh hoạt đối với việc rà soát, chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật. Vì vậy, có thể rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu theo định kỳ quý hoặc 06 tháng do địa phương chủ động thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế.

- Do việc chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật dựa vào kết quả thực tế của cả năm đánh giá (tính đến ngày 31/12 hằng năm), thời hạn tiến hành tổng hợp kết quả phải hoàn thành trước 05/01 của năm liền kề sau năm đánh giá là tương đối ngắn. Để bảo đảm đánh giá, chấm điểm thực hiện đúng thời hạn, tiến độ, tránh dồn việc vào công chức Tư pháp - Hộ tịch, hằng năm, công chức Tư pháp - Hộ tịch cần tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Kế hoạch đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, trong đó phân công nhiệm vụ cụ thể, tiến độ thực hiện cho các công chức cấp xã theo dõi, chấm điểm và đề xuất các giải pháp thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.

**Phần thứ hai**  
**NGHIỆP VỤ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ**  
**ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

**I. CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

**1. Tiêu chí 1: Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật**

*1.1. Tổng điểm tối đa: 15 điểm*

*1.2. Số lượng chỉ tiêu: 03*

*1.3. Mục đích chấm điểm:* Đánh giá kết quả, mức độ hoàn thành trách nhiệm trong việc ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của cấp xã, kế hoạch triển khai thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật

*1.4. Hướng dẫn chấm điểm:*

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
Tiêu chí 1	Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật	15			
Chỉ tiêu 1	Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên tại địa phương và triển khai thực hiện đúng yêu cầu, tiến độ	4			

<p>1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định những vấn đề được luật giao <i>(Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật do luật không giao được tính 01 điểm)</i></p>	1	<p>Công chức Văn phòng – Thống kê</p>	<p>Điều 4, Điều 30 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật</p>	<p>Số, ký hiệu, trích yếu Văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định những vấn đề mà luật giao đã được ban hành ghi rõ trong phụ lục kèm theo báo cáo kết quả đánh giá cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật</p>
<p>a) Ban hành đầy đủ, đúng tiến độ</p>	1			<p>Ghi rõ số lượng VB ban hành/ tổng số VB phải ban hành và tiến độ thực hiện.</p>
<p>b) Ban hành đầy đủ nhưng chậm tiến độ hoặc đúng tiến độ nhưng chưa đầy đủ</p>	0,5			<p>Ghi rõ số ngày chậm so với kế hoạch hoặc số văn bản ban hành còn thiếu</p>
<p>c) Không ban hành</p>	0			<p>Xác định rõ lý do không ban hành</p>
<p>2. Ban hành kế hoạch, văn bản khác triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên đúng yêu cầu, tiến độ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số kế hoạch, văn bản khác được ban hành theo đúng yêu cầu, tiến độ đề ra / Tổng số kế hoạch, văn bản khác được giao ban hành) x 100</i></p>	1	<p>Công chức Văn phòng – Thống kê</p>	<p>Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên</p>	<p>Kế hoạch, văn bản được ban hành. Tổng số VB theo yêu cầu phải ban hành/ số văn bản thực tế ban hành và ghi rõ số, ký hiệu của từng văn bản và văn bản trong bộ hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn</p>

	3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, văn bản khác nêu trên	2	Công chức Văn phòng – Thống kê	Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên	- Văn bản, kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ; - Các số liệu, kết quả cụ thể thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, văn bản khác
	a) Tổ chức thực hiện kịp thời, đúng quy định	2			Ghi rõ kết quả cụ thể và thời gian thực hiện so với thời gian theo yêu cầu của VBQPPL, kế hoạch, văn bản khác
	b) Tổ chức thực hiện nhưng không kịp thời hoặc không đúng quy định hoặc tổ chức thực hiện kịp thời nhưng chưa đảm bảo yêu cầu, chất lượng	1			Ghi rõ kết quả các nội dung không kịp thời hoặc không đúng theo yêu cầu của VBQPPL, kế hoạch, văn bản khác
	c) Không tổ chức thực hiện	0			Lý do không tổ chức thực hiện
Chỉ tiêu 2	<b>An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn cấp xã được kiểm chế, có giảm so với năm trước</b>	6	Trưởng Công an xã	Văn bản của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp hoặc Công an cấp trên	

	1. Ban hành văn bản của cấp ủy hoặc chính quyền hằng năm về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã	1			Văn bản của cấp ủy hoặc chính quyền hằng năm về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã được ban hành
	2. Tình hình an ninh chính trị được bảo đảm, không để xảy ra trọng án trên địa bàn cấp xã	2			Báo cáo, số liệu về tình hình tội phạm hằng năm
	3. Kiểm chế, giảm tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn	3			Báo cáo, số liệu về tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội hằng năm
	4. Tăng tội phạm và tệ nạn xã hội so với năm trước liền kề năm đánh giá bị 0 điểm và còn bị trừ 0,25 điểm				Báo cáo, số liệu về tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội hằng năm
Chỉ tiêu 3	<b>Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn; không có hoặc giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài trên địa bàn cấp xã so với năm trước</b>	5		Luật Khiếu nại năm 2011, Luật Tố cáo năm 2011, văn bản hướng dẫn các luật và văn bản khác có liên quan	Số liệu trong Sổ theo dõi tình hình tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo; báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo

	<p>1. Khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn/Tổng số khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết theo thẩm quyền) x 100</i></p>	3	<p>Công chức được giao đầu mối theo dõi, tham mưu công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</p>	<p>Ghi rõ số liệu tiếp nhận; ngày nhận, ngày giải quyết. Xác định được điểm cho nội dung này cần đối chiếu ngày tiếp nhận và ngày giải quyết với thời hạn, thời hiệu được ghi trong Luật khiếu nại, Luật Tố cáo.</p>
	<p>2. Về khiếu nại, tố cáo kéo dài</p>	1	<p>Công chức được giao đầu mối theo dõi, tham mưu công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</p>	<p>Ghi rõ thời hạn kéo dài là bao lâu, những vụ việc cụ thể gì.</p>

a) Không có khiếu nại, tố cáo kéo dài	1			Tài liệu chứng minh là không có thông qua sổ theo dõi tiếp nhận và thụ lý đơn
b) Giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá	0,5			Ghi rõ kết quả cụ thể là giảm bao nhiêu vụ/tổng số vụ
c) Không giảm hoặc tăng khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá	0			Ghi rõ kết quả cụ thể số vụ và vụ việc phát sinh từ thời điểm nào
<b>3. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về tiếp công dân</b>	1	Công chức được giao đầu mối theo dõi, tham mưu về công tác tiếp công dân		
3.1. Bảo đảm các điều kiện tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân đúng quy định	0,5			Điều kiện tiếp công dân được ghi rõ trong Luật tiếp công dân (phòng tiếp công dân, người tiếp, lịch tiếp...)

	3.2. Kiến nghị, phản ánh qua tiếp công dân được cấp xã giải quyết đúng thời hạn và thông báo cho người đã đến kiến nghị, phản ánh bằng hình thức theo quy định của pháp luật	0,5			Ghi rõ kiến nghị, phản ánh, số theo dõi và hồ sơ giải quyết cụ thể.
--	--	-----	--	--	---

**\* Một số lưu ý:**

- Có 01 chỉ tiêu vì lý do khách quan không thực hiện nhưng vẫn đạt điểm tối đa là Chỉ tiêu 1 (trong năm đánh giá không có nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật do luật giao thì vẫn được điểm tối đa là 01 điểm).

- Có 01 nội dung mà không thực hiện sẽ bị điểm 0 và trừ 0,25 điểm là nội dung 4 của chỉ tiêu 2 (Tăng tội phạm và tệ nạn xã hội so với năm trước liền kề năm đánh giá).

**2. Tiêu chí 2: Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã**

**1.1. Tổng điểm tối đa:** 30 điểm

**1.2. Số lượng chỉ tiêu:** 05

**1.3. Mục đích chấm điểm:** Đánh giá kết quả, mức độ hoàn thành trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ trong việc bảo đảm các điều kiện phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; thực thi công vụ của công chức trong giải quyết thủ tục hành chính; thực trạng và kết quả giải quyết các thủ tục hành chính.



### 1.4. Hướng dẫn chấm điểm:

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
Tiêu chí 2	Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	30			
Chỉ tiêu 1	Công khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính	4	Công chức Văn phòng – Thôn g kê	Nghị định số 63/2010/NĐ-CP; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP; Thông tư số 05/2014/TT-BTP <sup>5</sup>	Sổ theo dõi tình hình niêm yết thủ tục hành chính.

<sup>5</sup> Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP

1. Thủ tục hành chính được niêm yết công khai đầy đủ theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thủ tục hành chính được niêm yết công khai/Tổng số thủ tục hành chính phải niêm yết công khai) x 100</i>	2			
2. Thủ tục hành chính được niêm yết công khai kịp thời theo quy định	1			
a) Niêm yết công khai thủ tục hành chính đúng ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	1			Kiểm tra trực tiếp việc niêm yết tại Bộ phận "một cửa"
b) Niêm yết công khai thủ tục hành chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	0,5			Sổ theo dõi tình hình niêm yết thủ tục hành chính.
c) Niêm yết công khai thủ tục hành chính sau 10 ngày kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	0			Sổ theo dõi tình hình niêm yết thủ tục hành chính.

ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;  
 Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/2/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính; Quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các văn bản khác có liên quan

	<b>3. Thủ tục hành chính được niêm yết theo đúng quy định</b>	1			
	3.1. Niêm yết theo các hình thức quy định (bảng gắn trên tường, bảng trụ xoay, bảng di động...)	0,5			Kiểm tra trực tiếp
	3.2. Niêm yết tại địa điểm phù hợp, dễ tiếp cận	0,5			Kiểm tra trực tiếp
Chỉ tiêu 2	<b>Bố trí địa điểm, công chức tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định</b>	2	Công chức Văn phòng - Thống kê	Luật cán bộ, công chức năm 2008; Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg; Thông tư số 06/2012/TT-BNV... <sup>6</sup>	Báo cáo, số liệu, kết quả thực tiễn
	1. Đảm bảo diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5			

<sup>6</sup> Luật cán bộ, công chức năm 2008; Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn; Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương và các văn bản khác có liên quan

	a) Đảm bảo diện tích theo quy định	0,5		Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg Ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Diện tích làm việc tối thiểu của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 40m <sup>2</sup> ; của Ủy ban nhân dân cấp huyện: 80m <sup>2</sup> ; của Ủy ban nhân dân cấp xã: 40m <sup>2</sup> . Trong tổng diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phải dành khoảng 50% diện tích để bố trí nơi ngồi chờ cho cá nhân, tổ chức đến giao dịch
	b) Không đảm bảo diện tích theo quy định	0,25			
	2. Đảm bảo trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5		Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg Ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ	

	a) Đảm bảo đầy đủ theo quy định	0,5			
	b) Chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định	0,25			
	<b>3. Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo yêu cầu, thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định</b>	1		Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg Ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ	
	<b>4. Không bố trí, không đảm bảo yêu cầu, trách nhiệm quy định tại điểm 1, 2, 3 của chỉ tiêu này bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm</b>				
Chỉ tiêu 3	<b>Giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định</b>	10	Công chức được giao đầu mối tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo lĩnh	Các luật, văn bản pháp luật quy định về trình tự, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã	Sổ theo dõi, tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Báo cáo, số liệu về kết quả giải quyết thủ tục hành chính

			vực chuyên môn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã; công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính		
	<p>Thủ tục hành chính được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số lượt thủ tục hành chính được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn / Tổng số lượt thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết) x 100</i></p>	10			

<p>Chỉ tiêu 4</p>	<p><b>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định</b></p>	<p>2</p>	<p>Công chức được giao đầu mối tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo lĩnh vực chuyên môn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân</p>	<p>Luật Tiếp công dân năm 2013, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP, Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức...<sup>7</sup></p>	<p>Báo cáo, số liệu, kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính</p>
-------------------	---	----------	---	--	--

---

<sup>7</sup> Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/2/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của các nhân, tổ chức về quy định hành chính

			cấp xã; công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính		
	<p>Phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý đúng trình tự, thủ tục, thời hạn <i>(Trong năm đánh giá không có phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính được tính 02 điểm)</i></p> <p>Tỷ lệ % = <math>(\text{Tổng số lượt phản ánh, kiến nghị được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn} / \text{Tổng số lượt phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, giải quyết}) \times 100</math></p>	2			Ghi rõ số phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính được tiếp nhận và báo cáo cụ thể việc xử lý xem có đúng trình tự, thủ tục, thời hạn ghi trong Bộ thủ tục hành chính được niêm yết tại Trụ sở, so sánh đối chiếu để tính điểm.



<p>Chỉ tiêu 5</p>	<p><b>Bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính</b></p>	<p>12</p>	<p>Công chức Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính chủ trì, phối hợp với công chức Tư pháp – Hộ tịch, công chức chuyên môn khác của cấp xã</p>	<p>Điều 5 Thông tư số 07/2017/TT-BTP</p>	<p>Sở theo dõi kết quả giải quyết thủ tục hành chính; báo cáo, số liệu, kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính</p>
-------------------	--	-----------	---	--	--

	<p>1. HÀi lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số ý kiến có trả lời hài lòng/Tổng số ý kiến được hỏi) x 100</i></p>	7			<p>Tính trên kết quả tổng hợp phiếu đánh giá sự hài lòng khi lấy phiếu khảo sát, đánh giá của người dân đến giải quyết thủ tục hành chính.</p>
	<p>2. HÀi lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số ý kiến có trả lời hài lòng/Tổng số ý kiến được hỏi) x 100</i></p>	5			<p>Tính trên kết quả tổng hợp phiếu đánh giá sự hài lòng khi lấy phiếu khảo sát, đánh giá của người dân đến giải quyết thủ tục hành chính.</p>

**\* Một số lưu ý:**

- Có 01 chỉ tiêu được tính điểm tối đa nếu không phát sinh nhiệm vụ, đó là chỉ tiêu 4 (trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh về giải quyết thủ tục hành chính thì được tính điểm tối đa là 02 điểm)

- Có 01 nội dung bị điểm 0 và bị trừ 0,25 điểm, đó là nội dung 4 của chỉ tiêu 2 (nếu không bố trí, không đảm bảo yêu cầu về địa điểm, diện tích, trang thiết bị và trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thì bị điểm 0 và bị trừ 0,25 điểm)

- Đối với chỉ tiêu 5: Kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính vừa là chỉ tiêu của Tiêu chí 2 vừa là điều kiện xét, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

### 3. Tiêu chí 3: Phổ biến, giáo dục pháp luật

3.1. Tổng điểm tối đa: 25 điểm

3.2. Số lượng chỉ tiêu: 09

3.3. Mục đích chấm điểm: Đánh giá kết quả, mức độ hoàn thành trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm, thực hiện các quyền của công dân về tiếp cận thông tin, pháp luật, phổ biến giáo dục pháp luật, tham gia ý kiến vào chính sách, pháp luật và quản lý xã hội; bảo đảm nguồn lực về phổ biến, giáo dục pháp luật.

#### 3.4. Hướng dẫn chấm điểm:

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Đầu mỗi thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
Tiêu chí 3	Phổ biến, giáo dục pháp luật	25			
Chỉ tiêu 1	Công khai văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã	2	Công chức Tur pháp - Hộ tịch	Điều 150 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Điều 17, 18 Luật tiếp cận thông tin năm 2016; Điều 6 Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007.	Danh mục thông tin phải được công khai theo quy định; báo cáo, số liệu, kết quả về công khai thông tin thông qua người phát ngôn, hình thức phù hợp khác. Bảng công khai hoặc bài tuyên truyền, công khai trên hệ thống truyền thanh hoặc tài liệu cuộc họp triển khai đến các thôn, bản, tổ dân phố

<p>1. Thực hiện công khai theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản đã thực hiện công khai/Tổng số văn bản theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai) x 100</i></p>	1			<p>Công khai thông qua Trang thông tin điện tử hoặc qua hệ thống truyền thanh, qua các Trường thôn, tổ trưởng tổ dân phố,...</p>
<p>2. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn, hình thức theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai</p>	1			
<p>2.1. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn</p>	0,5			
<p>2.2. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng hình thức</p>	0,5			

Chỉ tiêu 2	<b>Cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật thuộc trách nhiệm phải cung cấp của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định</b>	2	Công chức Văn phòng - Thống kê	Điều 9 Luật Tiếp cận thông tin năm 2016; Luật Báo chí năm 2016; Điều 32 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005...	Báo cáo, số liệu thống kê, kết quả thực hiện cung cấp thông tin
	Thực hiện cung cấp thông tin pháp luật qua các hình thức cung cấp thông tin theo quy định và qua hoạt động của người phát ngôn <i>(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 02 điểm)</i> <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin pháp luật đã cung cấp/Tổng số thông tin pháp luật đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	2			

Chỉ tiêu 3	<b>Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức cấp trên</b>	2	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Điều 30, Điều 142 và Điều 144 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; văn bản chỉ đạo, kế hoạch về lấy ý kiến Nhân dân của cơ quan, tổ chức cấp trên	Báo cáo tổng hợp/Báo cáo, tài liệu, số liệu, kết quả lấy ý kiến Nhân dân. Văn bản lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản QPPL gửi các thôn, bản, tổ dân phố.
	a) Lấy ý kiến Nhân dân đối với tất cả dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên	2			
	b) Lấy ý kiến Nhân dân đối với một số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	1			

	c) Không tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong khi yêu cầu phải lấy ý kiến	0			
	<i>Trong năm đánh giá không được giao nhiệm vụ lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được tính 02 điểm</i>				
Chỉ tiêu 4	<b>Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới ban hành cho cán bộ, công chức cấp xã</b>	2	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, văn bản, kế hoạch, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp xã	Kế hoạch, báo cáo, số liệu thống kê, kết quả quán triệt, phổ biến văn bản, chính sách mới ban hành cho cán bộ, công chức cấp xã. Các văn bản chứng minh cho việc tổ chức quán triệt, phổ biến đến cán bộ, công chức cấp xã.
	a) Tổ chức quán triệt, phổ biến đầy đủ, kịp thời các văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã bằng hình thức thích hợp	2			Báo cáo chi tiết số văn bản phổ biến, số cuộc phổ biến trực tiếp hoặc thông qua hộp thư công vụ.

	b) Tổ chức quán triệt, phổ biến một số văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ công chức cấp xã	1			
	c) Không tổ chức quán triệt, phổ biến văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã	0			
Chỉ tiêu 5	<b>Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp</b>	4	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; văn bản chỉ đạo, kế hoạch PBGDPL của cấp trên, của Ủy ban nhân dân cấp xã	Báo cáo, số liệu thống kê, kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân. Các văn bản chứng minh việc tổ chức các hoạt động PBGDPL cho Nhân dân (Giấy mời hội nghị, bài tuyên truyền, sổ theo dõi phát sóng ghi các bài tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh ở cấp xã,..)
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hàng năm	0,5			Kế hoạch PBGDPL năm



	2. Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp theo Kế hoạch đề ra	3,5			Báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động PBGDPL của cấp xã
	a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	3,5			Số cuộc, nội dung thực hiện theo Kế hoạch PBGDPL năm.
	b) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1,5			
	c) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	0,5			
	d) Không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch	0			
Chỉ tiêu 6	<b>Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật</b>	2	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; văn bản chỉ đạo, kế hoạch PBGDPL của cấp trên, của Ủy ban nhân dân cấp xã	Báo cáo, số liệu thống kê, kết quả thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù.

	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù trên địa bàn hoặc lồng ghép nội dung này trong Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm	0,5			Kế hoạch PBGDPL cho đối tượng đặc thù hoặc nội dung PBGDPL trong Kế hoạch PBGDPL năm của UBND cấp xã
	2. Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù theo Kế hoạch đề ra	1,5			Kết quả cụ thể việc PBGDPL cho 04 nhóm đối tượng đặc thù
	a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1,5			
	b) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1			
	c) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	0,5			
	d) Không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch	0			
Chỉ	<b>Các thiết chế thông tin,</b>	<b>6</b>	Công	Các văn	Báo cáo, số liệu

tiêu 7	<b>văn hóa, pháp luật tại cơ sở hoạt động có hiệu quả, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật của Nhân dân trên địa bàn cấp xã</b>		chức chuy ên môn theo dõi các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cấp xã	bản quy định về các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật <sup>8</sup>	thống kê, kết quả hoạt động của các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật
	1. Xây dựng, thực hiện chuyên mục thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng lưới phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh cấp xã, loa truyền thanh cơ sở (cố định hoặc lưu động) theo định kỳ	2	Công chức Văn Hóa – Xã hội		Chuyên mục trong kế hoạch phát thanh của Đài truyền thanh cấp xã.
	a) Thực hiện hàng tuần và	2			Sổ theo dõi phát

<sup>8</sup> Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật xã, phường, thị trấn; Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở

nội dung thiết thực, đa dạng				sóng. Bài tuyên truyền trong hồ sơ lưu trữ của Đài truyền thanh cấp xã.
b) Thực hiện hàng tháng và nội dung thiết thực, đa dạng	1			
c) Thực hiện hàng quý và nội dung thiết thực, đa dạng	0,5			
d) Không thực hiện theo định kỳ và nội dung không thiết thực, đa dạng	0			
<b>2. Xây dựng, quản lý, khai thác có hiệu quả Tủ sách pháp luật (truyền thống hoặc điện tử), Tủ sách cơ sở ở cấp xã theo quy định</b>	3	Công chức Tư pháp – Hộ tịch hoặc công chức được giao đầu mối quản lý, hướng dẫn khai thác Tủ sách pháp luật		Việc tiếp nhận, vào sổ theo dõi sách, sổ theo dõi mượn đọc; biên bản bàn giao sách; việc luân chuyển sách pháp luật; nội dung Tủ sách,...

2.1. Bố trí địa điểm thuận tiện, phân công người phụ trách và quản lý, sử dụng Tủ sách theo quy định	0,5			Địa điểm đặt tủ sách pháp luật
2.2. Định kỳ thực hiện rà soát, phân loại, bổ sung sách, tài liệu của Tủ sách theo quy định	0,5			Báo cáo kết quả rà soát, phân loại, bổ sung sách, tài liệu
2.3. Sử dụng máy tính nối mạng internet, hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật để tra cứu, khai thác văn bản, tài liệu pháp luật cho Tủ sách	1			Máy vi tính có nối mạng internet
2.4. Thực hiện thông tin, giới thiệu các sách, tài liệu mới, có nội dung thiết thực với Nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn; luân chuyển sách, tài liệu của Tủ sách với các mô hình tủ sách tự quản/thư viện/điểm bưu điện – văn hóa để Nhân dân tiếp cận sách, tài liệu được thuận tiện, kịp thời	0,5			
2.5. Xây dựng, duy trì một trong các mô hình Tủ sách/ngăn sách/túi sách pháp luật tại cộng đồng dân cư (Tủ sách của thôn, làng; Tủ sách khu nhà trọ; Tủ sách quán cà phê...) trên địa bàn	0,5			Mô hình Tủ sách cụ thể (ảnh minh chứng hoặc báo cáo kết quả hoạt động của các mô hình tủ sách, túi sách, ngăn sách,...)

	<p><b>3. Xây dựng, hỗ trợ hoạt động Câu lạc bộ nhằm thực hiện phổ biến, tiếp cận pháp luật cho người dân (Câu lạc bộ pháp luật; Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm; Câu lạc bộ nông dân, phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh, hòa giải ở cơ sở hoặc Câu lạc bộ khác)</b></p>	1	Công chức Tư pháp – Hộ tịch		Số câu lạc bộ, hoạt động của câu lạc bộ; số hội viên CLB. Quy chế hoạt động của các CLB.
	<p>3.1. Hằng năm có định hướng nội dung hoạt động của Câu lạc bộ</p>	0,5			Báo cáo kết quả hoạt động của CLB và các nội dung hoạt động của CLB
	<p>3.2. Hằng năm có hỗ trợ hoạt động của Câu lạc bộ (kinh phí, tài liệu...), hỗ trợ sinh hoạt pháp luật định kỳ có hiệu quả, thiết thực</p>	0,5			Hồ sơ quyết toán kinh phí hoạt động; văn bản tiếp nhận, cấp phát tài liệu
Chỉ tiêu 8	<p><b>Tổ chức đối thoại chính sách, pháp luật theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương</b></p>	2	Công chức được giao đầu mối, tham mưu thực hiện nhiệm vụ đối thoại chính sách	Luật tổ chức chính quyền địa phương, văn bản hướng dẫn, quy định về đối thoại	Báo cáo, số liệu thống kê, kết quả tổ chức đối thoại; Các văn bản chứng minh hoạt động tổ chức đối thoại.

	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại chính sách, pháp luật, lắng nghe ý kiến phản ánh, kiến nghị của Nhân dân địa phương	2			Giấy mời hội nghị trao đổi, đối thoại
	2. Không tổ chức trao đổi, đối thoại theo quy định bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm				
Chỉ tiêu 9	<b>Bố trí đủ kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định</b>	3	Công chức Tài chính – Kế toán chủ trì, phối hợp với Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Luật ngân sách nhà nước, Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP, văn bản quy định về kinh phí bảo đảm công tác PBGDPL của địa phương, quy định có liên quan	Báo cáo, số liệu thống kê, kết quả, văn bản phê duyệt kinh phí. Hồ sơ quyết toán kinh phí chi cho công tác PBGDPL của năm. Kế hoạch kinh phí cụ thể của UBND cấp xã.
	1. Ngân sách cấp xã hàng năm có kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	1			

<p><b>2.</b> Định mức kinh phí ngân sách bảo đảm hằng năm</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số kinh phí được cấp/Tổng số kinh phí đề xuất với các mức chi và nội dung chi theo quy định của pháp luật về tài chính để thực hiện các nhiệm vụ đã được phê duyệt) x 100</i></p>	2			<p>Hồ sơ quyết toán kinh phí chi cho công tác PBGDPL của năm. Kế hoạch kinh phí cụ thể của UBND cấp xã.</p>
<p><b>3.</b> Không bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm</p>				

**\* Một số lưu ý:**

- Có 02 chỉ tiêu được tính điểm tối đa nếu không phát sinh nhiệm vụ trong năm đánh giá, đó là chỉ tiêu 2 (Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính điểm tối đa là 02 điểm) và chỉ tiêu 3 (Trong năm đánh giá không được giao nhiệm vụ lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được tính điểm tối đa là 02 điểm).

- Có 02 nội dung bị điểm 0 và trừ 0,25 điểm, đó là nội dung 2 của chỉ tiêu 8 (Không tổ chức trao đổi, đối thoại theo quy định) và nội dung 3 của Chỉ tiêu 9 (Không bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật).

**4. Tiêu chí 4: Hòa giải ở cơ sở**

**4.1. Tổng điểm tối đa:** 10 điểm

**4.2. Số lượng chỉ tiêu:** 03

**4.3. Mục đích chấm điểm:** Đánh giá kết quả, mức độ hoàn thành trách nhiệm trong việc thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2012 và các văn bản hướng dẫn, văn bản khác có liên quan, trọng tâm



là năng lực của đội ngũ hòa giải viên cơ sở, chất lượng công tác hòa giải và bố trí kinh phí cho công tác này tại cơ sở.

#### 4.4. Hướng dẫn chấm điểm:

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mối thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
<b>Tiêu chí 4</b>	<b>Hòa giải ở cơ sở</b>	<b>10</b>			
Chỉ tiêu 1	Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở	3	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và văn bản khác có liên quan	Văn bản, báo cáo, số liệu, kết quả về việc công tác hòa giải ở cơ sở. Quyết định công nhận kết quả bầu hòa giải viên.
	1. Hướng dẫn thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên (Trong năm đánh giá không thực sự cần thiết thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên được tính 01 điểm)	1			Văn bản chỉ đạo về hoạt động hòa giải ở cấp xã

	2. Hỗ trợ tài liệu, phổ biến pháp luật phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định	0,5			Tài liệu tiếp nhận, cấp phát hoặc trực tiếp biên soạn cho hòa giải viên
	3. Hướng dẫn, thực hiện các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở	0,5			Văn bản, tài liệu chứng minh việc hướng dẫn thực hiện công tác HGCS.
	4. Hòa giải viên được bồi dưỡng, tập huấn, cung cấp tài liệu nghiệp vụ hòa giải do cơ quan cấp trên hoặc cấp xã tổ chức	1			Giấy mời, Giấy triệu tập bồi dưỡng, tập huấn
Chỉ tiêu 2	<b>Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật được hòa giải kịp thời theo yêu cầu của các bên</b>	4	Công chức Tư pháp – Hộ tịch	Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở và văn bản khác có liên quan.	Báo cáo kết quả và sổ theo dõi công tác hòa giải ở cơ sở.
	1. Các vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải được tiếp nhận và thực hiện hòa giải theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải/Tổng số vụ, việc được tiếp nhận thuộc phạm vi hòa giải theo quy định) x 100</i>	2			Báo cáo kết quả và sổ theo dõi công tác hòa giải ở cơ sở.

	<p>2. Các vụ, việc hòa giải thành</p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100</i></p>	2			Báo cáo kết quả và sổ theo dõi công tác hòa giải ở cơ sở.
Chỉ tiêu 3	<p><b>Bổ trí đủ kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định</b></p>	3	Công chức Tài chính - Kế toán chủ trì, phối hợp với công chức Tư pháp – Hộ tịch	Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2015, Nghị định số 15/2014/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP	Báo cáo thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở; văn bản của địa phương quy định về định mức và kinh phí bảo đảm, hỗ trợ hoạt động hòa giải cơ sở.
	<p>1. Ngân sách cấp xã hằng năm có kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở</p>	1		Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung nội dung, mức chi cho công tác hòa giải	Hồ sơ quyết toán kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở.

	2. Hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải và hòa giải viên	2		Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 8/12/2016 của HĐND tỉnh về sửa đổi, bổ sung nội dung, mức chi cho công tác hòa giải	
	2.1. Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải	1			
	a) Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo đúng định mức quy định	1			
	b) Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo định mức thấp hơn định mức quy định	0.5			
	2.2. Chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc	1			
	a) Chi thù lao hòa giải viên cho tất cả vụ, việc hòa giải theo đúng định mức quy định	1			
	b) Chi thù lao hòa giải viên cho một số vụ, việc hòa giải hoặc chi thù lao với định mức thấp hơn định mức quy định	0.5			

<p><b>3.</b> Không bố trí kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải, chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm</p>				
---	--	--	--	--

**\* Một số lưu ý:**

- Có 01 nội dung được tính điểm tối đa nếu không phát sinh nhiệm vụ, đó là nội dung 1 của Chỉ tiêu 1 (Nếu trong năm đánh giá không thực sự cần thiết thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên thì được tính điểm tối đa là 01 điểm).

- Có 01 nội dung sẽ bị 0 điểm và trừ 0,25 điểm, đó là nội dung 3 của Chỉ tiêu 3 (Không bố trí kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải, chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc).

**5. Tiêu chí 5: Thực hiện dân chủ ở cơ sở**

**5.1. Tổng điểm tối đa:** 20 điểm

**5.2. Số lượng chỉ tiêu:** 05

**5.3. Mục đích chấm điểm:** Đánh giá kết quả, mức độ hoàn thành trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007 nhằm bảo đảm, thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân, phát huy dân chủ tại cơ sở theo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát.

#### 5.4. Hướng dẫn chấm điểm:

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm tối đa	Đầu mỗi thực hiện	Căn cứ thực hiện	Tài liệu kiểm chứng
Tiêu chí 5	Thực hiện dân chủ ở cơ sở	20			
Chỉ tiêu 1	<p><b>Công khai, minh bạch các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở, trừ các thông tin quy định tại chỉ tiêu 1 của tiêu chí 2 và chỉ tiêu 1 của tiêu chí 3</b></p> <p><i>Tỷ lệ % = Tổng số nội dung được công khai/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải công khai để dân biết phát sinh trên thực tế x 100</i></p>	4	Công chức được giao theo dõi, hướng dẫn thực dân chủ ở cơ sở	Điều 5, Chương II Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007	Báo cáo, số liệu thể hiện việc công khai, minh bạch các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở
Chỉ tiêu 2	<p><b>Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</b></p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình</i></p>	4	Công chức được giao theo dõi, hướng dẫn thực	Điều 10, mục 1, Chương III Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm	Báo cáo, số liệu, tài liệu, biên bản thể hiện việc cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ

	<i>bàn, quyết định trực tiếp/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp phát sinh trên thực tế) x 100</i>		hiện dân chủ ở cơ sở	2007	sở
Chỉ tiêu 3	<p><b>Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</b></p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định phát sinh trên thực tế) x 100</i></p>	4	Công chức được giao theo dõi, hướng dẫn thực hiện dân chủ ở cơ sở	Điều 13 Mục 2, Chương III Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007	Báo cáo, số liệu, tài liệu, biên bản thể hiện việc cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở
Chỉ tiêu 4	<p><b>Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp</b></p>	4	Công chức được giao theo	Điều 19 Chương IV Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở	Báo cáo, số liệu, tài liệu, biên bản thể hiện việc Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có

	<p><b>luật về dân chủ ở cơ sở</b></p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được Nhân dân tham gia ý kiến/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải lấy ý kiến Nhân dân phát sinh trên thực tế) x 100</i></p>		<p>dối, hướn g dẫn thực hiện dân chủ ở cơ sở</p>	<p>xã, phường, thị trấn năm 2007</p>	<p>thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</p>
<p>Chỉ tiêu 5</p>	<p><b>Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</b></p> <p><i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được giám sát/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định Nhân dân thực hiện giám sát trực tiếp và thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng phát sinh trên thực tế) x 100</i></p>	<p>4</p>	<p>Công chức được giao theo dõi, hướng dẫn thực hiện dân chủ ở cơ sở</p>	<p>Điều 23 Chương V Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn năm 2007</p>	<p>Báo cáo, số liệu, tài liệu, biên bản thể hiện việc Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</p>



## **II. HƯỚNG DẪN CÁCH TÍNH ĐIỂM, CÁCH LÀM TRÒN SỐ TRONG CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

### ***1. Về cách tính điểm***

Có 02 cách tính điểm như sau:

a) Chấm điểm theo công thức được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

Cách chấm điểm này áp dụng đối với các chỉ tiêu được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%). Trong tổng số 25 chỉ tiêu, có 17 nội dung, chỉ tiêu được chấm điểm theo công thức, bao gồm: Nội dung 2 của chỉ tiêu 1 và nội dung 1 của chỉ tiêu 3 thuộc tiêu chí 1; nội dung 1 của chỉ tiêu 1 và các chỉ tiêu 3, 4, 5 thuộc tiêu chí 2; nội dung 1 của chỉ tiêu 1, chỉ tiêu 2 và nội dung 2 của chỉ tiêu 9 thuộc tiêu chí 3; chỉ tiêu 2 thuộc tiêu chí 4; các chỉ tiêu 1, 2, 3, 4, 5 thuộc tiêu chí 5. Theo đó, việc chấm điểm các nội dung, chỉ tiêu theo công thức như sau:

Số điểm của chỉ tiêu = (Tỷ lệ % đạt được x Số điểm tối đa của chỉ tiêu)/100

Ví dụ:

+ Tỷ lệ % đạt được của chỉ tiêu: 83,33%;

+ Số điểm tối đa của chỉ tiêu: 05 điểm;

+ Số điểm của chỉ tiêu (chưa làm tròn) =  $(83,33 \times 5)/100 = 4,1665$  điểm.

b) Chấm điểm dựa trên số điểm đã được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 07/2017/TT-BTP

Cách chấm điểm này áp dụng đối với các chỉ tiêu không xác định theo tỷ lệ phần trăm (%). Theo đó, trong tổng số 25 chỉ tiêu, có 33 nội dung, chỉ tiêu được chấm điểm theo cách thức này, bao gồm: nội dung 1, 3 của chỉ tiêu 1, chỉ tiêu 2 và nội dung 2, 3 của chỉ tiêu 3 thuộc tiêu chí 1; nội dung 2, 3 của chỉ tiêu 1 và chỉ tiêu 2 của tiêu chí 2; nội dung 2 của chỉ tiêu 1, các chỉ tiêu 3, 4, 5, 6, 7, 8 và nội dung 1, 3 của chỉ tiêu 9 thuộc tiêu chí 3; chỉ tiêu 1, chỉ tiêu 3 thuộc tiêu chí 4.

Cách chấm điểm này có 02 trường hợp cần lưu ý:

*Thứ nhất*, đối với các nội dung, chỉ tiêu được chấm điểm theo hướng lựa chọn phương án trả lời theo từng mức độ hoàn thành nhiệm vụ (cụ thể là: nội dung 1, 3 của chỉ tiêu 1 và nội dung 2 của chỉ tiêu 3 thuộc tiêu chí 1; nội dung 2 của chỉ tiêu 1 và nội dung 1, 2 của chỉ tiêu 2 thuộc tiêu chí 2; chỉ tiêu 3, 4, nội dung 2 của chỉ tiêu 5, nội dung 2 của chỉ tiêu 6 và nội dung 1 của chỉ tiêu 7 thuộc tiêu chí 3; nội dung 2 của chỉ tiêu 3 thuộc tiêu chí 4) thì cần lựa chọn một trong các phương án trả lời (a hoặc b hoặc c) và cho điểm tối đa.

*Ví dụ*: Năm 2018, khi tiến hành chấm điểm nội dung 1 của chỉ tiêu 1 về “*Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định những vấn đề được luật giao*” thuộc Tiêu chí 1, xã A đạt được kết quả thực hiện theo phương án b của nội dung này. Cách chấm điểm được tính như thế nào?

Nội dung 1 của chỉ tiêu 1 thuộc Tiêu chí 1 (Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 07/2017/TT-BTP) có 03 phương án với

mức độ đánh giá kết quả và điểm số khác nhau từ cao đến thấp, đó là:

a) Ban hành đầy đủ, đúng tiến độ: được tính 01 điểm

b) Ban hành chưa đầy đủ nhưng chậm tiến độ hoặc đúng tiến độ nhưng chưa đầy đủ: được tính 0,5 điểm

c) Không ban hành: 0 điểm.

Như vậy, kết quả đạt được của xã A tương ứng với phương án 2 nên được tính 0,5 điểm.

*Thứ hai*, đối với các nội dung, chỉ tiêu mà tổng số điểm được tính theo hướng là tổng hợp điểm số của từng nội dung thành phần (ví dụ: nội dung 3 của chỉ tiêu 3 thuộc tiêu chí 1; nội dung 3 của chỉ tiêu 1 thuộc tiêu chí 2; nội dung 2 của chỉ tiêu 1, nội dung 2, 3 của chỉ tiêu 7 thuộc tiêu chí 3; mục 2.1, 2.2. nội dung 2 của chỉ tiêu 3 thuộc tiêu chí 4) thì tiến hành đánh giá việc thực hiện từng nội dung thành phần để cho điểm và tổng hợp điểm.

Ví dụ: Năm 2018, khi tiến hành chấm điểm nội dung 3 của chỉ tiêu 3 về “*Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn; không có hoặc giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài trên địa bàn cấp xã so với năm trước*” thuộc Tiêu chí 1, xã A chấm điểm nội dung này như thế nào?

Nội dung 3 của chỉ tiêu 3 thuộc Tiêu chí 1 (Phụ lục I ban hành kèm Thông tư số 07/2017/TT-BTP) có 02 nội dung thành phần như sau:

3.1. Bảo đảm các điều kiện tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân đúng quy định: điểm tối đa là 0,5 điểm.

3.2. Kiến nghị, phản ánh cơ quan tiếp công dân được cấp xã giải quyết đúng thời hạn và thông báo cho người đã đến kiến nghị, phản ánh bằng hình thức theo quy định của pháp luật: điểm tối đa là 0,5 điểm.

Như vậy, xã A phải căn cứ vào kết quả thực tế để tiến hành đánh giá và chấm điểm đối với cả 02 nội dung thành phần tại các mục 3.1 và mục 3.2. Sau đó, cộng kết quả chấm điểm mục 3.1. và 3.2 để có được kết quả thực hiện nội dung này.

## **2. Về làm tròn số**

a) Điểm số của từng chỉ tiêu được lấy đến hai chữ số thập phân. Sau khi cộng điểm của tất cả các chỉ tiêu nếu tổng số điểm có giá trị thập phân dưới 0,5 điểm thì làm tròn xuống, nếu có giá trị thập phân từ 0,5 điểm trở lên thì làm tròn lên.

Ví dụ: Số điểm của chỉ tiêu (chưa làm tròn) là 4,4165 điểm thì số điểm của chỉ tiêu sau khi đã làm tròn là 4,42 điểm.

b) Sau khi cộng điểm của tất cả các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, nếu tổng số điểm có giá trị thập phân dưới 0,5 điểm thì làm tròn xuống, nếu có giá trị thập phân từ 0,5 điểm trở lên thì làm tròn lên:

Ví dụ:

- Tổng số điểm của các chỉ tiêu từ 89,01 đến 89,49 làm tròn là 89 điểm.

- Tổng số điểm của các chỉ tiêu từ 75,5 đến 75,99 làm tròn là 76 điểm.

### **III. HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

#### **1. Niêm yết kết quả đánh giá, công nhận, công bố cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

**1.1.** Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật tại trụ sở làm việc, nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng của thôn, làng, ấp, bản, phum, sóc, tổ dân phố và cộng đồng dân cư khác và thông báo trên đài, loa truyền thanh cơ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc tự chấm điểm.

Kết quả chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật dùng để niêm yết là kết quả tổng hợp sau cuộc họp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì đánh giá kết quả xây dựng cấp xã tiếp cận pháp luật và đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký, gửi Phòng Tư pháp.

**1.2.** Ủy ban nhân dân cấp huyện công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng/Trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công nhận.

**1.3.** Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên Cổng/Trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

## **2. Đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã**

### **2.1. Về đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng**

Đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng bao gồm tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã và đã được trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong năm đánh giá hoặc năm trước liền kề năm đánh giá.

### **2.1. Về số lượng, tỷ lệ đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng**

Số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng hằng năm của mỗi đơn vị cấp xã do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hướng dẫn nhưng tối thiểu phải đạt từ 15% trở lên số lượt thủ tục hành chính tại cấp xã đã được giải quyết và trả kết quả của năm trước liền kề năm đánh giá.

Ví dụ: Năm 2018, xã A tổ chức đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Năm 2017, xã A có 5.000 lượt thủ tục hành chính được giải quyết và trả kết quả. Như vậy số lượng đối tượng sẽ tham gia đánh giá sự hài lòng để phục vụ đánh giá xã A đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018 phải đạt từ  $15\% \times 5.000 = 750$  lượt tổ chức, cá nhân.

### **2.3. Hình thức đánh giá**

2.3.1. Bằng phiếu lấy ý kiến, bảng điện tử hoặc hình thức phù hợp khác tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc kết hợp với đánh giá sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới, chỉ số cải cách thủ tục hành chính hằng năm.

2.3.2. Nếu trong năm đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, tại cấp xã cũng thực hiện đo lường sự hài lòng về chỉ số cải cách thủ tục hành chính (chỉ số PAR INDEX) thì có thể kết hợp đánh giá hoặc sử dụng kết quả của chỉ số này để tính điểm chỉ tiêu 5 về “bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính” của Tiêu chí 2.

2.3.3. *Về thực hiện đánh giá sự hài lòng bằng Phiếu lấy ý kiến*

a) *Thời gian thực hiện đánh giá*

Việc tổ chức đánh giá sự hài lòng bằng Phiếu lấy ý kiến được thực hiện nhiều lần vào cuối tháng, cuối quý hoặc 06 tháng một lần theo điều kiện thực tế của địa phương nhưng phải bảo đảm về đối tượng, số lượng đối tượng tham gia đánh giá phải tuân thủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

b) *Hình thức, trách nhiệm thực hiện đánh giá*

- Trường hợp gửi hoặc phát Phiếu tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:

Công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân trả lời đầy đủ nội dung và yêu cầu của Phiếu lấy ý kiến khi tiếp nhận hồ sơ hoặc khi trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân.

Khi trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp Phiếu lấy ý kiến vào thùng, hòm đựng phiếu đặt tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Trường hợp Phiếu lấy ý kiến được gửi, phát theo cách thức điều tra:

Cán bộ điều tra là người có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân trả lời đầy đủ nội dung và yêu cầu của Phiếu lấy ý kiến; thu nhận, tổng hợp Phiếu lấy ý kiến và bàn giao đầy đủ cho công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã để xử lý, tổng hợp kết quả theo quy định.

#### ***2.4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện đánh giá sự hài lòng***

a) *Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:* Căn cứ các hình thức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã theo quy định tại Thông tư số 07/2017/TT-BTP và điều kiện, yêu cầu thực tế của nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương, có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể về hình thức và thời điểm tổ chức đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã.

b) *Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện:*

- Trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về hình thức và thời điểm tổ chức đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã trên địa bàn cấp tỉnh, có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

- Trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn kèm theo các giải pháp thúc đẩy, duy trì kết



quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (đối với cấp xã đã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật) hoặc các giải pháp khắc phục hạn chế, tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật (đối với cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật).

*c) Đối với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:* Chỉ đạo, phân công công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp công chức Tư pháp – Hộ tịch tổ chức đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính như sau:

- Đề xuất đối tượng, số lượng đối tượng tham gia đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn cấp xã theo chỉ đạo hằng năm của cơ quan có thẩm quyền.

- Hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá sự hài lòng khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn cấp xã; tổng hợp, xử lý kết quả đánh giá sự hài lòng; xây dựng bảng tổng hợp kết quả theo mẫu quy định tại Điều 3 Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

- Lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ việc đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn cấp xã theo quy định.

- Phối hợp, tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thực hiện giám sát kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại cấp xã.

**Phần thứ ba**  
**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

**I. VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật được thành lập ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật cấp huyện) để tư vấn, tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức việc đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT CẤP HUYỆN VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

**1. Nhiệm vụ, quyền hạn**

1.1. Xem xét, đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

1.2. Trao đổi, đề xuất sáng kiến, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và việc thực hiện các sáng kiến, giải pháp đó trong phạm vi địa phương.

1.3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

## **2. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng**

### *2.1. Nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng:*

- Tư vấn, tham gia ý kiến về kết quả đánh giá và đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lĩnh vực được giao quản lý. Ý kiến của Ủy viên Hội đồng là ý kiến của cơ quan, tổ chức nơi công tác;

- Đề xuất sáng kiến, giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và tư vấn, tổ chức thực hiện sáng kiến, giải pháp đó;

- Tham dự đầy đủ cuộc họp Hội đồng. Trong trường hợp không thể tham dự cuộc họp mà có lý do chính đáng thì phải gửi ý kiến bằng văn bản về các nội dung cần xin ý kiến nêu trên để Phòng Tư pháp tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng.

### *2.2. Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng:*

Bên cạnh các nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo, điều phối hoạt động chung của Hội đồng, cụ thể như sau:

- Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng; tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của Hội đồng.

- Chỉ đạo, điều phối chung hoạt động của Hội đồng; phân công nhiệm vụ cho Phó Chủ tịch và các Ủy viên Hội đồng.

- Triệu tập, chủ trì các cuộc họp của Hội đồng; quyết định việc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng; kết luận về nội dung thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng.

- Ký văn bản của Hội đồng; duy trì mối quan hệ thường xuyên giữa các thành viên Hội đồng; thay mặt Hội đồng làm việc với các cơ quan tổ chức có liên quan.

- Tổ chức việc quản lý, sử dụng kinh phí, phương tiện phục vụ cho hoạt động của Hội đồng theo quy định của pháp luật.

### *2.3. Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng:*

Bên cạnh các nhiệm vụ của Ủy viên Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng còn có các nhiệm vụ sau:

- Chủ trì cuộc họp và thực hiện các công việc do Chủ tịch Hội đồng ủy quyền khi vắng mặt.

- Là thường trực Hội đồng, có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cuộc họp theo quy định gửi thành viên Hội đồng;

- Căn cứ kết luận của Hội đồng, chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng hợp đề xuất của thành viên Hội đồng để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; tham mưu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

### *2.4. Nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng:*

- Giúp Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và tổ chức các cuộc họp của Hội đồng.

- Lập biên bản, báo cáo tổng hợp các ý kiến, kiến nghị trong các cuộc họp của Hội đồng và chịu trách nhiệm về

tính đầy đủ, trung thực về nội dung biên bản các cuộc họp của Hội đồng.

### **III. THÀNH LẬP, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG**

#### **1. Thành lập Hội đồng:**

1.1. Về thẩm quyền thành lập Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.2. Về thành phần Hội đồng: bao gồm một lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch; Trưởng phòng Tư pháp làm Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng.

Thành viên Hội đồng có thể là đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan đến các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật, Công an cấp huyện, Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện, Văn phòng Điều phối nông thôn mới (nếu có).

Hội đồng có Thư ký do 01 công chức Phòng Tư pháp đảm nhiệm.

1.3. Về số lượng thành viên Hội đồng: Không quá 15 người.

1.4. Hướng dẫn việc thành lập Hội đồng:

- **Bước 1:** Tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về dự kiến số lượng và đại diện cơ quan, đơn vị tham gia thành viên Hội đồng.

a) Cơ quan thực hiện: Phòng Tư pháp.

b) Thời hạn thực hiện: Trước thời điểm cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

c) Kết quả thực hiện: Tờ trình kèm theo Dự kiến số lượng và danh sách cơ quan, đơn vị tham gia thành viên Hội đồng; Dự kiến số lượng và danh sách cơ quan, đơn vị tham gia thành viên Hội đồng đã được chỉnh lý theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng.

d) Một số lưu ý:

Để bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng, việc đề xuất số lượng, dự kiến cơ quan, đơn vị phải căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, thực trạng và kết quả thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật, bảo đảm hài hòa thành phần tham gia Hội đồng có đại diện các cơ quan, đơn vị phụ trách, theo dõi lĩnh vực làm tốt, đạt kết quả và điểm số đánh giá cao và cơ quan, đơn vị phụ trách, theo dõi lĩnh vực còn hạn chế, đạt kết quả và điểm số đánh giá thấp.

- **Bước 2:** Phê duyệt dự kiến về số lượng và danh sách cơ quan, đơn vị tham gia Hội đồng

a) Người thực hiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Thời hạn thực hiện: Trước thời điểm cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

c) Kết quả thực hiện: Dự kiến số lượng và danh sách cơ quan, đơn vị tham gia Hội đồng được phê duyệt.

- **Bước 3:** Xem xét, quyết định thành lập Hội đồng

a) Người thực hiện:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: Xem xét, ký Quyết định thành lập Hội đồng.

b) Thời hạn thực hiện: Trước thời điểm cấp xã gửi hồ sơ đề nghị công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

c) Kết quả thực hiện: Ký, ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật cấp huyện.

## **2. Hoạt động của Hội đồng**

### **2.1. Chế độ làm việc của Hội đồng, thành viên Hội đồng**

a) Về Hội đồng:

- Hội đồng thực hiện nhiệm vụ của mình thông qua cuộc họp toàn thể thành viên.

- Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số bằng hình thức biểu quyết hoặc phiếu lấy ý kiến.

- Cuộc họp Hội đồng được tiến hành khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự.

b) Về thành viên Hội đồng:

- Thành viên Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

- Thành viên Hội đồng phát biểu ý kiến tư vấn tại cuộc họp Hội đồng hoặc có ý kiến bằng văn bản theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng.

- Ý kiến của thành viên Hội đồng đại diện cho ý kiến của cơ quan, đơn vị đã cử tham gia Hội đồng.

### **2.2. Quy chế hoạt động của Hội đồng**

- Căn cứ điều kiện thực tế, Chủ tịch Hội đồng xem xét, quyết định việc thành lập, duy trì Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật theo hướng ổn định (kiện toàn nếu có thành viên nghỉ chế độ, chuyển công tác) hoặc thành lập Hội đồng theo kỳ đánh giá hằng năm. Trong Quyết định thành lập Hội đồng phải quy định rõ Hội đồng hoạt động theo cách thức nào trong các cách thức này.

- Đối với trường hợp thành lập Hội đồng ổn định thì cần có Quy chế hoạt động của Hội đồng. Phòng Tư pháp tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, hoạt động của Hội đồng theo quy định tại Quyết định số 619/QĐ-TTg và Thông tư số 07/2017/TT-BTP.

- Đối với trường hợp thành lập Hội đồng theo kỳ đánh giá hằng năm, không nhất thiết phải có Quy chế hoạt động của Hội đồng, nhưng tại Quyết định thành lập Hội đồng cần quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, hoạt động và kinh phí hoạt động của Hội đồng, trong đó nêu rõ Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

### ***2.3. Cuộc họp Hội đồng***

#### **a) Chuẩn bị cuộc họp:**

- Phòng Tư pháp tham mưu, giúp Chủ tịch Hội đồng dự kiến thời gian, chuẩn bị nội dung, tài liệu cuộc họp; triệu tập thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp trên cơ sở chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng.

#### **b) Tiến hành cuộc họp Hội đồng:**

- Tại cuộc họp, Phó Chủ tịch Hội đồng báo cáo về các nội dung cần xin ý kiến Hội đồng.

- Các thành viên Hội đồng tư vấn, thảo luận theo chức năng, nhiệm vụ được giao; thông qua các nội dung cần xin ý kiến Hội đồng bằng hình thức biểu quyết hoặc qua phiếu lấy ý kiến. Kết quả cuộc họp được lập thành biên bản có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng theo Mẫu 06 -TCPL-II. Ý kiến của thành viên Hội đồng phải



được tổng hợp đầy đủ, khách quan, trung thực trong biên bản cuộc họp.

#### **IV. QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VỚI PHÒNG TƯ PHÁP CẤP HUYỆN**

1. Bảo đảm sự phối hợp, trao đổi thông tin thông suốt giữa Ủy viên Hội đồng với Phòng Tư pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

2. Phòng Tư pháp là cơ quan thường trực Hội đồng có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cuộc họp theo quy định gửi thành viên Hội đồng chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp Hội đồng; tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu cho Hội đồng về các nội dung cần yêu cầu giải trình, bổ sung làm rõ;

3. Căn cứ kết luận của Hội đồng, Phòng Tư pháp hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; tổng hợp đề xuất của thành viên Hội đồng để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định; tham mưu để Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

#### **V. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG**

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 619/QĐ-TTg. Theo đó, nguồn kinh phí này được bảo đảm, bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hằng năm của Phòng Tư pháp.

2. Cơ sở đề xuất, sử dụng kinh phí cho hoạt động của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 18/5/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng, quản lý kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật.

Trong đó, các nội dung chi, mức chi hoạt động của Hội đồng bao gồm:

2.1. Tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm nghiệp vụ, các phiên họp định kỳ, đột xuất, phiên họp tư vấn của Hội đồng, Ban chỉ đạo;

2.2. Văn phòng phẩm và biên soạn tài liệu phục vụ các hoạt động của Hội đồng, Ban chỉ đạo;

2.3. Các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra;

2.4. Sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng.

3. Trên cơ sở nhiệm vụ và hoạt động của Hội đồng, Phòng Tư pháp đề xuất, lập dự toán kinh phí cho hoạt động của Hội đồng hằng năm và tổng hợp chung trong dự toán ngân sách của Phòng gửi cơ quan Tài chính cùng cấp tổng hợp, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phân bổ./.

**Phần thứ tư**  
**CÁC PHỤ LỤC VỀ CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

**Phụ lục I**  
**ĐIỂM SỐ, HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM**  
**CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa
Tiêu chí 1	<b>Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật</b>	<b>15</b>
Chi tiêu 1	<b>Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên tại địa phương và triển khai thực hiện đúng yêu cầu, tiến độ</b>	<b>4</b>
	1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền để quy định những vấn đề được luật giao ( <i>Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ ban hành văn bản quy phạm pháp luật do luật không giao được tính 01 điểm</i> )	1
	a) Ban hành đầy đủ, đúng tiến độ	1
	b) Ban hành đầy đủ nhưng chậm tiến độ hoặc đúng tiến độ nhưng chưa đầy đủ	0,5
	c) Không ban hành	0
	2. Ban hành kế hoạch, văn bản khác triển khai nhiệm vụ được giao để thi hành Hiến pháp, pháp luật, chỉ đạo của cấp trên đúng yêu cầu, tiến độ <i>Tỷ lệ % = (Tổng số kế hoạch, văn bản khác được ban hành theo đúng yêu cầu, tiến độ đề ra / Tổng số kế hoạch, văn bản khác được giao ban hành) x 100</i>	1

	<b>3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, văn bản khác nêu trên</b>	2
	a) Tổ chức thực hiện kịp thời, đúng quy định	2
	b) Tổ chức thực hiện nhưng không kịp thời hoặc không đúng quy định hoặc tổ chức thực hiện kịp thời nhưng chưa đảm bảo yêu cầu, chất lượng	1
	c) Không tổ chức thực hiện	0
Chi tiêu 2	<b>An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn cấp xã được kiểm chế, có giảm so với năm trước</b>	6
	1. Ban hành văn bản của cấp ủy hoặc chính quyền hàng năm về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã	1
	2. Tình hình an ninh chính trị được bảo đảm, không để xảy ra trọng án trên địa bàn cấp xã	2
	3. Kiểm chế, giảm tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) trên địa bàn	3
	4. Tăng tội phạm và tệ nạn xã hội so với năm trước liền kề năm đánh giá bị 0 điểm và còn bị trừ 0,25 điểm	
Chi tiêu 3	<b>Giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn; không có hoặc giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài trên địa bàn cấp xã so với năm trước</b>	5
	1. Khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận, giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn	
	$Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ khiếu\ nại,\ tố\ cáo\ được\ giải\ quyết\ đúng\ trình\ tự,\ thủ\ tục,\ thời\ hạn / Tổng\ số\ khiếu\ nại,\ tố\ cáo\ được\ tiếp\ nhận,\ giải\ quyết\ theo\ thẩm\ quyền) \times 100$	3
	2. Về khiếu nại, tố cáo kéo dài	1

	a) Không có khiếu nại, tố cáo kéo dài	1
	b) Giảm khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá	0,5
	c) Không giảm hoặc tăng khiếu nại, tố cáo kéo dài so với năm trước liền kề năm đánh giá	0
	<b>3. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về tiếp công dân</b>	1
	3.1. Bảo đảm các điều kiện tiếp công dân và tổ chức tiếp công dân đúng quy định	0,5
	3.2. Kiến nghị, phản ánh qua tiếp công dân được cấp xã giải quyết đúng thời hạn và thông báo cho người đã đến kiến nghị, phản ánh bằng hình thức theo quy định của pháp luật	0,5
<b>Tiêu chí 2</b>	<b>Thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã</b>	<b>30</b>
Chi tiêu 1	<b>Công khai đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính</b>	<b>4</b>
	<b>1. Thủ tục hành chính được niêm yết công khai đầy đủ theo quy định</b> <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thủ tục hành chính đã niêm yết công khai/Tổng số thủ tục hành chính phải niêm yết công khai) x 100</i>	2
	<b>2. Thủ tục hành chính được niêm yết công khai kịp thời theo quy định</b>	1
	a) Niêm yết công khai thủ tục hành chính đúng ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	1
	b) Niêm yết công khai thủ tục hành chính trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	0,5
	c) Niêm yết công khai thủ tục hành chính sau 10 ngày kể từ ngày Quyết định công bố có hiệu lực thi hành	0
	<b>3. Thủ tục hành chính được niêm yết theo đúng quy định</b>	1

	3.1. Niêm yết theo các hình thức quy định (bảng gắn trên tường, bảng trụ xoay, bảng di động...)	0,5
	3.2. Niêm yết tại địa điểm phù hợp, dễ tiếp cận	0,5
Chi tiêu 2	<b>Bố trí địa điểm, công chức tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định</b>	<b>2</b>
	1. Đảm bảo diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5
	a) Đảm bảo diện tích theo quy định	0,5
	b) Không đảm bảo diện tích theo quy định	0,25
	2. Đảm bảo trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0,5
	a) Đảm bảo đầy đủ theo quy định	0,5
	b) Chưa đảm bảo đầy đủ theo quy định	0,25
	3. Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo yêu cầu, thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định	1
	4. Không bố trí, không đảm bảo yêu cầu, trách nhiệm quy định tại điểm 1, 2, 3 của chỉ tiêu này bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm	
Chi tiêu 3	<b>Giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định</b>	<b>10</b>
	Thủ tục hành chính được giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn	
	$Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ lượt\ thủ\ tục\ hành\ chính\ đã\ giải\ quyết\ đúng\ trình\ tự,\ thủ\ tục,\ thời\ hạn / Tổng\ số\ lượt\ thủ\ tục\ hành\ chính\ được\ tiếp\ nhận,\ giải\ quyết) \times 100$	10
Chi tiêu 4	<b>Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về giải quyết các thủ tục hành chính đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định</b>	<b>2</b>
	Phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận, xử lý đúng trình tự, thủ tục, thời hạn (Trong năm đánh giá không có phản ánh, kiến nghị về giải quyết thủ tục hành chính được tính 02 điểm)	2

	<i>Tỷ lệ % = (Tổng số lượt phản ánh, kiến nghị đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục, thời hạn/Tổng số lượt phản ánh, kiến nghị được tiếp nhận, giải quyết) x 100</i>	
Chi tiêu 5	<b>Bảo đảm sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính</b>	<b>12</b>
	1. Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả <i>Tỷ lệ % = (Tổng số ý kiến có trả lời hài lòng/Tổng số ý kiến được hỏi) x 100</i>	7
	2. Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả <i>Tỷ lệ % = (Tổng số ý kiến có trả lời hài lòng/Tổng số ý kiến được hỏi) x 100</i>	5
<b>Tiêu chí 3</b>	<b>Phổ biến, giáo dục pháp luật</b>	<b>25</b>
Chi tiêu 1	<b>Công khai văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung có liên quan trực tiếp đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn (trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã</b>	<b>2</b>
	1. Thực hiện công khai theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai <i>Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản đã thực hiện công khai/Tổng số văn bản theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai) x 100</i>	1
	2. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn, hình thức theo quy định hoặc theo Danh mục thông tin phải được công khai	1
	2.1. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng thời điểm, thời hạn	0,5
	2.2. Thực hiện cập nhật, công khai thông tin pháp luật đúng hình thức	0,5

	<b>Cung cấp đầy đủ thông tin pháp luật thuộc trách nhiệm phải cung cấp của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định</b>	<b>2</b>
Chỉ tiêu 2	Thực hiện cung cấp thông tin pháp luật qua các hình thức cung cấp thông tin theo quy định và qua hoạt động của người phát ngôn ( <i>Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 02 điểm</i> ) <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin pháp luật đã cung cấp/Tổng số thông tin pháp luật có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	2
	<b>Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan, tổ chức cấp trên</b>	<b>2</b>
Chỉ tiêu 3	a) Lấy ý kiến Nhân dân đối với tất cả dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định và chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên	2
	b) Lấy ý kiến Nhân dân đối với một số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	1
	c) Không tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trong khi yêu cầu phải lấy ý kiến	0
	<i>Trong năm đánh giá không được giao nhiệm vụ lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được tính 02 điểm</i>	
	<b>Tổ chức quán triệt, phổ biến các văn bản, chính sách pháp luật mới ban hành cho cán bộ, công chức cấp xã</b>	<b>2</b>
Chỉ tiêu 4	a) Tổ chức quán triệt, phổ biến đầy đủ, kịp thời các văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã bằng hình thức thích hợp	2
	b) Tổ chức quán triệt, phổ biến một số văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ công chức cấp xã	1



	c) Không tổ chức quán triệt, phổ biến văn bản, chính sách mới ban hành có nội dung liên quan đến thực thi công vụ của cán bộ, công chức cấp xã	0
Chi tiêu 5	<b>Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp</b>	<b>4</b>
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 hằng năm	0,5
	2. Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho Nhân dân trên địa bàn cấp xã bằng hình thức phù hợp theo Kế hoạch đề ra	3,5
	a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	3,5
	b) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1,5
	c) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	0,5
	d) Không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch	0
Chi tiêu 6	<b>Triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật</b>	<b>2</b>
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù trên địa bàn hoặc lồng ghép nội dung này trong Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm	0,5
	2. Tổ chức thực hiện các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù theo Kế hoạch đề ra	1,5
	a) Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1,5
	b) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời hoặc chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	1

	c) Tổ chức thực hiện chưa đầy đủ, chưa kịp thời, chưa hiệu quả các hoạt động theo Kế hoạch	0,5
	d) Không tổ chức thực hiện các hoạt động theo Kế hoạch	0
	<b>Các thiết chế thông tin, văn hóa, pháp luật tại cơ sở hoạt động có hiệu quả, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, phổ biến pháp luật của Nhân dân trên địa bàn cấp xã</b>	<b>6</b>
	<b>1. Xây dựng, thực hiện chuyên mục thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng lưới phát thanh, truyền thanh của Đài Truyền thanh cấp xã, loa truyền thanh cơ sở (cố định hoặc lưu động) hoặc thiết chế thông tin cơ sở phù hợp theo định kỳ</b>	2
	a) Thực hiện hàng tuần và nội dung thiết thực, đa dạng	2
	b) Thực hiện hàng tháng và nội dung thiết thực, đa dạng	1
	c) Thực hiện hàng quý và nội dung thiết thực, đa dạng	0,5
	d) Không thực hiện theo định kỳ và nội dung không thiết thực, đa dạng	0
Chỉ tiêu 7	<b>2. Xây dựng, quản lý, khai thác có hiệu quả Tủ sách pháp luật (truyền thông hoặc điện tử), Tủ sách cơ sở ở cấp xã theo quy định</b>	3
	2.1. Bố trí địa điểm thuận tiện, phân công người phụ trách và quản lý, sử dụng Tủ sách theo quy định	0,5
	2.2. Định kỳ thực hiện rà soát, phân loại, bổ sung sách, tài liệu của Tủ sách theo quy định	0,5
	2.3. Sử dụng máy tính nối mạng internet, hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật để tra cứu, khai thác văn bản, tài liệu pháp luật cho Tủ sách pháp luật	1
	2.4. Thực hiện thông tin, giới thiệu các sách, tài liệu mới, có nội dung thiết thực với Nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn; luân chuyển sách, tài liệu của Tủ sách với các mô hình tủ sách tự quản/thư viện/điểm bưu điện - văn hóa để Nhân dân tiếp cận sách, tài liệu được thuận tiện, kịp thời	0,5

	2.5. Xây dựng, duy trì một trong các mô hình Tủ sách/ngăn sách/túi sách pháp luật tại cộng đồng dân cư (Tủ sách của thôn, tổ dân phố; Tủ sách khu nhà trọ; Tủ sách quán cà phê...) trên địa bàn	0,5
	3. Khai thác, huy động hỗ trợ mạng lưới Câu lạc bộ tham gia phổ biến, cung cấp thông tin pháp luật cho người dân (Câu lạc bộ pháp luật; Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm; Câu lạc bộ nông dân, phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh hoặc Câu lạc bộ khác)	1
	3.1. Hằng năm có định hướng nội dung khai thác, huy động mạng lưới Câu lạc bộ trong phổ biến, giáo dục pháp luật	0,5
	3.2. Hằng năm có hỗ trợ hoạt động của Câu lạc bộ (kinh phí, tài liệu...), hỗ trợ sinh hoạt pháp luật định kỳ có hiệu quả, thiết thực	0,5
Chi tiêu 8	<b>Tổ chức đối thoại chính sách, pháp luật theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương</b>	<b>2</b>
	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại chính sách, pháp luật, lắng nghe ý kiến phản ánh, kiến nghị của Nhân dân địa phương	2
	2. Không tổ chức trao đổi, đối thoại theo quy định bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm	
Chi tiêu 9	<b>Bố trí đủ kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định</b>	<b>3</b>
	1. Ngân sách cấp xã hằng năm có bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật	1
	2. Định mức kinh phí ngân sách bảo đảm hằng năm $Tỷ\ lệ\ \% = (Tổng\ số\ kinh\ phí\ được\ cấp / Tổng\ số\ kinh\ phí\ đề\ xuất\ với\ các\ mức\ chi\ và\ nội\ dung\ chi\ theo\ quy\ định\ của\ pháp\ luật\ về\ tài\ chính\ để\ thực\ hiện\ các\ nhiệm\ vụ\ đã\ được\ phê\ duyệt) \times 100$	2
	3. Không bố trí kinh phí cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm	

<b>Tiêu chí 4</b>	<b>Hòa giải ở cơ sở</b>	<b>10</b>
Chi tiêu 1	<b>Thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên; đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở</b>	<b>3</b>
	1. Hướng dẫn thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên ( <i>Trong năm đánh giá không thực sự cần thiết thành lập, kiện toàn tổ hòa giải và công nhận tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên được tính 01 điểm</i> )	1
	2. Hỗ trợ tài liệu, phổ biến pháp luật phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định	0,5
	3. Hướng dẫn, thực hiện các văn bản pháp luật về hòa giải ở cơ sở	0,5
	4. Hòa giải viên được bồi dưỡng, tập huấn, cung cấp tài liệu nghiệp vụ hòa giải do cơ quan cấp trên hoặc cấp xã thực hiện	1
Chi tiêu 2	<b>Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải kịp thời theo yêu cầu của các bên</b>	<b>4</b>
	1. Các vụ, việc thuộc phạm vi hòa giải được tiếp nhận và thực hiện hòa giải theo quy định <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải/Tổng số vụ, việc được tiếp nhận thuộc phạm vi hòa giải theo quy định) x 100</i>	2
	2. Các vụ, việc hòa giải thành <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100</i>	2

	<b>Bố trí đủ kinh phí hỗ trợ công tác hòa giải ở cơ sở theo quy định</b>	<b>3</b>
Chi tiêu 3	1. Ngân sách cấp xã hằng năm có bố trí kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở	1
	2. Hỗ trợ kinh phí cho tổ hòa giải và hòa giải viên	2
	2.1. Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải	1
	a) Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo đúng định mức quy định	1
	b) Hỗ trợ kinh phí hoạt động hòa giải cho các tổ hòa giải theo định mức thấp hơn định mức quy định	0,5
	2.2. Chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc	1
	a) Chi thù lao hòa giải viên cho tất cả vụ, việc hòa giải theo đúng định mức quy định	1
	b) Chi thù lao hòa giải viên cho một số vụ, việc hòa giải hoặc chi thù lao với định mức thấp hơn định mức quy định	0,5
	3. Không bố trí kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải, chi thù lao hòa giải viên theo vụ, việc bị 0 điểm và bị trừ 0,25 điểm	
<b>Tiêu chí 5</b>	<b>Thực hiện dân chủ ở cơ sở</b>	<b>20</b>
Chi tiêu 1	<b>Công khai, minh bạch các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở, trừ các thông tin quy định tại chỉ tiêu 1 của tiêu chí 2 và chỉ tiêu 1 của tiêu chí 3</b> <i>Tỷ lệ % = Tổng số nội dung đã công khai/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải công khai để dân biết phát sinh trên thực tế x 100</i>	<b>4</b>

Chi tiêu 2	<p><b>Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</b></p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, quyết định trực tiếp/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc đại diện hộ gia đình được bàn, quyết định trực tiếp phát sinh trên thực tế) x 100</p>	4
Chi tiêu 3	<p><b>Cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình được bàn, biểu quyết để cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</b></p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình bàn, biểu quyết để cấp có thẩm quyền quyết định phát sinh trên thực tế) x 100</p>	4
Chi tiêu 4	<p><b>Nhân dân được tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định về các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</b></p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được Nhân dân tham gia ý kiến/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định phải lấy ý kiến Nhân dân phát sinh trên thực tế) x 100</p>	4
Chi tiêu 5	<p><b>Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo quy định của pháp luật về dân chủ ở cơ sở</b></p> <p>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã được giám sát/Tổng số nội dung mà pháp luật quy định Nhân dân thực hiện giám sát trực tiếp và thông qua hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng phát sinh trên thực tế) x 100</p>	4

**Phụ lục II**  
**CÁC BIỂU MẪU PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN**  
**ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

*Mẫu 01 – TCPL-II: Bảng tổng hợp kết quả tự chấm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật*

ỦY BAN NHÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 DÂN XÃ (PHƯỜNG, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THỊ TRẤN)....

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ**  
**TỰ CHẤM ĐIỂM**

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung	Điểm số tối đa	Điểm số đánh giá	Ghi chú	Chữ ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>Tiêu chí 1</b>	<b>Bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật</b>	<b>15</b>			
<b>Chỉ tiêu 1</b>	.....	<b>4</b>			
1. Nội dung 1	.....	1			
2. Nội dung 2	.....	1			
3. Nội dung 3	.....	2			
<b>Chỉ tiêu 2</b>	.....	<b>6</b>			
1. Nội dung 1	.....	1			
2. Nội dung 2	.....	2			
3. Nội dung 3	.....	3			

.....	.....	...			
<b>Tiêu chí 5</b>	Thực hiện dân chủ ở cơ sở	<b>20</b>			
<b>Chỉ tiêu 1</b>	.....	<b>4</b>			
<b>Chỉ tiêu 2</b>	.....	<b>4</b>			
.....	.....				
<b>Tổng điểm</b>		<b>100</b>			

**CHỦ TỊCH**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**CÔNG CHỨC TƯ PHÁP –**  
**HỘ TỊCH**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

- 
- (2) Ghi rõ nội dung tiêu chí, chỉ tiêu và nội dung cụ thể của từng chỉ tiêu theo Phụ lục I
- (4) Ghi điểm số đạt được sau khi đã trừ điểm số bị trừ theo quy định (nếu có)
- (5) Ghi số điểm bị trừ (nếu có) hoặc các nội dung khác
- (6) Công chức cấp xã tổng hợp điểm số của từng chỉ tiêu, tiêu chí được giao quản lý, theo dõi và ký, ghi rõ họ tên



**Mẫu 02 – TCPL-II: Phiếu lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng về chất lượng, thái độ phục vụ khi thực hiện thủ tục hành chính**

**ỦY BAN NHÂN  
DÂN XÃ (PHƯỜNG,  
THỊ TRẤN)....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG  
Về chất lượng, thái độ phục vụ  
khi thực hiện thủ tục hành chính**

**Địa điểm (1): .....**

**Tên thủ tục hành chính (2): .....**

*Đề nghị tổ chức/cá nhân vui lòng cho biết ý kiến bằng cách đánh dấu “X” vào ô “□” lựa chọn đối với các câu hỏi dưới đây:*

**1. Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả**

**Hài lòng**

**Không hài lòng**

**2. Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả**

**Hài lòng**

**Không hài lòng**

**Người đánh giá (3)**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Ghi rõ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)...

(2) Ghi rõ tên thủ tục hành chính mà tổ chức, cá nhân yêu cầu giải quyết. Ví dụ: Đăng ký khai sinh/Đăng ký kết hôn...

(3) Phần này không bắt buộc, có thể ghi hoặc không

**Mẫu 03 – TCPL –II: Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân**

ỦY BAN NHÂN  
DÂN XÃ (PHƯỜNG,  
THỊ TRẤN)....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ  
ĐÁNH GIÁ SỰ HÀI LÒNG  
Về chất lượng, thái độ phục vụ  
khi thực hiện thủ tục hành chính**

1. Tổng số lượt thủ tục hành chính đã được giải quyết và trả kết quả của năm trước liền kề năm đánh giá:.....
2. Tổng số ý kiến: .....
3. Kết quả tổng hợp:

Nội dung	Mức độ đánh giá				Ghi chú
	Hài lòng		Không hài lòng		
	Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Hài lòng về kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả					
2. Hài lòng về cách ứng xử, giao tiếp, tinh thần trách nhiệm của công chức làm					

việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả					
<b>Kết quả trung bình về tỷ lệ % (*)</b>					

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI TỔNG HỢP**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

---

(3) Tỷ lệ % = Số ý kiến tại cột (2)/Tổng số ý kiến x 100

(5) Tỷ lệ % = Số ý kiến tại cột (4)/Tổng số ý kiến x 100

(\*) Tỷ lệ % trung bình = Tổng tỷ lệ % kết quả đánh giá sự hài lòng của 02 nội dung đánh tại cột (3) và cột (5)

**Mẫu 04 – TCPL- II: Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã**

ỦY BAN NHÂN  
DÂN XÃ (PHƯỜNG,  
THỊ TRẤN)...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO**

**Đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật  
trên địa bàn xã (phường, thị trấn) ...**

**I. Khái quát đặc điểm, tình hình**

- Điều kiện địa lý, tự nhiên, kinh tế - xã hội, số lượng thôn, làng, bản, ấp, phum, sóc, tổ dân phố; dân số; xã (phường, thị trấn) thuộc loại nào trong các xã (phường, thị trấn) theo quy định về phân loại đơn vị hành chính.

- Thuận lợi, khó khăn trong đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**II. Kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

**1. Kết quả đạt được**

1.1. Về chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện

1.2. Về đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Kết quả thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật:

- Có .../5 tiêu chí tiếp cận pháp luật đạt từ 50% trở lên tổng số điểm tối đa

- Có .../5 tiêu chí tiếp cận pháp luật đạt dưới 50% tổng số điểm tối đa

- Tổng số điểm bị trừ: ... điểm

- Tổng số điểm đạt được của 5 tiêu chí: ... /100 điểm; số điểm sau khi làm tròn: ... điểm.

b) Đối chiếu với các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- Điều kiện về tổng số điểm của từng tiêu chí (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về tổng số điểm của các tiêu chí (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về tổng số điểm đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính (nêu rõ đạt hay chưa đạt);

- Điều kiện về cán bộ công chức cấp xã vi phạm kỷ luật theo quy định (nêu rõ các trường hợp vi phạm, hình thức bị kỷ luật..., đạt hay chưa đạt).

c) Trên cơ sở tổng hợp, đánh giá, chấm điểm các tiêu chí tiếp cận pháp luật và kết quả cuộc họp Ủy ban nhân dân, Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) ... tự đánh giá: **Đạt/Chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.**

**2. Những tác động** (tích cực, tiêu cực) của việc thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật (đối với việc cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật của người dân đối với thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở, bảo đảm quyền con người,

quyền công dân, tháo gỡ kịp thời mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn cấp xã).

**3. Thuận lợi, vướng mắc, bất cập** trong thực tiễn thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

**4. Sáng kiến, kinh nghiệm** trong thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật và đánh giá, công nhận, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

### **III. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân**

### **IV. Giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận**

### **pháp luật; cải thiện điều kiện tiếp cận pháp luật cho người dân**

(Phần này nêu giải pháp cụ thể trong việc thực hiện các tiêu chí, xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong năm sau).

### **VI. Kiến nghị, đề xuất**

Đưa ra kiến nghị, đề xuất phù hợp với đặc thù địa phương về nhận thức, thể chế, chính sách; hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện; các điều kiện bảo đảm thực hiện và các vấn đề khác có liên quan đến xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (đối với Ủy ban nhân dân cấp trên; với các cơ quan, tổ chức có liên quan).

#### **Nơi nhận:**

- UBND huyện (quận, thị xã, TP thuộc tỉnh).....;
- .....
- Lưu: VT,...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên và đóng dấu)

**Họ và tên**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên và đóng dấu)

**Họ và tên**

**Mẫu 05 – TCPL-II: Công văn đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

**ỦY BAN NHÂN  
DÂN XÃ (PHƯỜNG,  
THỊ TRẤN)....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../....  
V/v đề nghị công  
nhận cấp xã đạt  
chuẩn tiếp cận pháp  
luật năm...

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện ....

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ kết quả cuộc họp đánh giá kết quả xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ngày ...tháng ...năm....của UBND xã;

Căn cứ....,

UBND xã .... kính đề nghị UBND huyện ....., tỉnh.....xem xét, quyết định công nhận Ủy ban nhân dân xã..... đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm.....

*Hồ sơ kèm theo gồm có:*

1. Báo cáo đánh giá kết quả đạt chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp xã.
2. Bảng tổng hợp điểm số của các chỉ tiêu, tiêu chí tự chấm điểm.
3. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân;
4. Tài liệu chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Ủy ban nhân dân cấp xã.
5. Tài liệu khác (nếu có).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....;
- Lưu: VT,...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
(Ký tên và đóng dấu)  
**Họ và tên**



**Mẫu 06 – TCPL-II: Biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật**

ỦY BAN NHÂN  
DÂN HUYỆN  
(QUẬN, THỊ XÃ, TP  
THUỘC TỈNH)...  
**HỘI ĐỒNG ĐÁNH  
GIÁ TIẾP CẬN  
PHÁP LUẬT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../BB-HĐTCPL                      ..., ngày ... tháng ... năm ...

**BIÊN BẢN**

**Họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật**

Thời gian: ... giờ ... ngày...tháng...năm ...

Địa điểm:.....

Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện (quận, thị xã, thành phố ...).....tiên hành họp để xem xét, đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật năm ....

**I. Thành phần tham dự**

Hội đồng có.....thành viên tham dự (vắng ...), bao gồm:

- Đồng chí: ... Chủ trì cuộc họp;
- Đồng chí ...- Thư ký cuộc họp;
- Các Ủy viên: ....người.

**II. Nội dung cuộc họp**

**1. Đánh giá kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

Hội đồng thảo luận, có ý kiến tư vấn về những nội dung sau:

- Kết quả tự đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, hồ sơ đề nghị công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

của ..... xã, phường, thị trấn trên địa bàn cấp huyện do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trình và Phòng Tư pháp tiếp nhận, tổng hợp;

- Đề xuất sáng kiến, giải pháp xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

- Các nội dung, vấn đề khác có liên quan thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng theo quy định.

**2. Ý kiến tư vấn của thành viên Hội đồng** (ghi đầy đủ, cụ thể các ý kiến của thành viên Hội đồng tham dự họp)

### **3. Ý kiến của Chủ tịch Hội đồng**

Căn cứ vào kết quả thảo luận của các thành viên Hội đồng và ý kiến của các đại biểu tham dự (nếu có), Chủ tịch Hội đồng có ý kiến:

- *Thể hiện ý kiến về các nội dung, vấn đề thuộc trách nhiệm của thành viên Hội đồng;*

- *Giao Phòng Tư pháp cấp huyện hoàn thiện Biên bản họp Hội đồng và các tài liệu có liên quan trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.*

### **4. Kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thông qua biểu quyết hoặc phiếu lấy ý kiến**

Nêu rõ có ... thành viên/...tổng số thành viên Hội đồng nhất trí trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Cuộc họp kết thúc vào lúc ... giờ ngày ... tháng ... năm....

Biên bản này được lập thành ... bản, gửi.... và lưu giữ tại...

**Mẫu 07 – TCPL II: Danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

ỦY BAN NHÂN  
DÂN HUYỆN  
(QUẬN, THỊ XÃ,  
THÀNH PHỐ  
THUỘC TỈNH...)...  
PHÒNG TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

**DANH SÁCH  
CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT (\*)**

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
<b>I</b>	<b>Loại I (**)</b>							
1	....							
2	....							
....								
<b>II</b>	<b>Loại II (***)</b>							
3								
4								
....								
<b>III</b>	<b>Loại III (****)</b>							
....								
....								

**Nơi nhận:**

- ....  
- Lưu: ....

**TRƯỞNG PHÒNG**  
*(Ký, ghi rõ họ, tên)*

---

(\*) Mẫu này do Phòng Tư pháp lập theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Quyết định số 619/QĐ-TTg

(\*\*), (\*\*\*), (\*\*\*\*) Phân loại đơn vị hành chính loại I, loại II, loại III theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

(3) Sắp xếp xã, phường, thị trấn theo tổng số điểm đạt được từ cao xuống thấp đối với từng loại.

**Mẫu 08 – TCPL – II: Danh sách cấp xã chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

ỦY BAN NHÂN  
DÂN HUYỆN  
(QUẬN, THỊ XÃ,  
THÀNH PHỐ  
THUỘC TỈNH...)...  
PHÒNG TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

**DANH SÁCH CẤP XÃ CHƯA ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT (\*)**

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Tổng điểm	Điểm của từng tiêu chí					Kết quả đánh giá sự hài lòng (%)	Cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
<b>I</b>	<b>Loại I (**)</b>								
1	....								
2	.....								
....									
<b>II</b>	<b>Loại II (***)</b>								
3									
4									
....									
<b>III</b>	<b>Loại III (****)</b>								
....									
....									

**Nơi nhận:**

-....  
- Lưu: ....

**TRƯỞNG PHÒNG**  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

---

(\*) Mẫu này do Phòng Tư pháp lập theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Quyết định số 619/QĐ-TTg

(\*\*), (\*\*\*), (\*\*\*\*) Phân loại đơn vị hành chính loại I, loại II, loại III theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIII về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

(4) Sắp xếp xã, phường, thị trấn theo tổng số điểm đạt được từ cao xuống thấp đối với từng loại.

(10) Đánh dấu “X” nếu trong năm đánh giá có cán bộ, công chức bị xử lý kỉ luật theo quy định

**Mẫu 09 -TCPL-II: Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật**

**ỦY BAN NHÂN  
DÂN HUYỆN  
(QUẬN, THỊ XÃ,  
THÀNH PHỐ  
THUỘC TỈNH)....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Công nhận (xã phường, thị trấn)**  
**đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm ....**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (QUẬN,  
THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH...)....**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Theo hồ sơ đánh giá, biên bản họp Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật ngày ...tháng ...năm ... ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận ... xã, phường, thị trấn (có Danh sách kèm theo) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm...

**Điều 2.** .....

**Điều 3.** Hiệu lực thi hành

**Điều 4.** Trách nhiệm thi hành

### ***Nơi nhận:***

- Như Điều...;
- ...;
- Lưu: VT,...

### **CHỦ TỊCH**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*



**Phụ lục III**  
**CÁC MẪU VỀ HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ**  
**TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

***1. Mẫu Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật***

**ỦY BAN NHÂN  
DÂN HUYỆN  
(QUẬN, THỊ XÃ,  
THÀNH PHỐ  
THUỘC TỈNH)...**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

**QUYẾT ĐỊNH**  
***Về việc thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận***  
***pháp luật huyện (quận)...***

**CHỦ TỊCH**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN (QUẬN)...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật,

Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Kế hoạch số .../KH-UBND ngày .../.../2017 của Ủy ban nhân dân huyện (quận) về việc triển khai thực hiện Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn huyện (quận);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số.../TTr-TP ngày tháng... năm ...,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...) (sau đây gọi tắt là Hội đồng), gồm các ông, bà có tên sau đây:

.....

**Điều 2.** Nhiệm vụ của Hội đồng

**Điều 3.** Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng

**Điều 4.** Kinh phí thực hiện

**Điều 5.** Hiệu lực thi hành.

**Điều 6.** Trách nhiệm thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều...;

- ....;

- Lưu: VT,...

**CHỦ TỊCH**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

## **2. Mẫu Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật**

**ỦY BAN NHÂN  
DÂN HUYỆN  
(QUẬN, THỊ XÃ,  
THÀNH PHỐ  
THUỘC TỈNH)...**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../QĐ-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật của huyện (quận, thị xã, thành phố)...**

### **HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT HUYỆN (QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ)...**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố...) về việc thành lập Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp

luật của huyện (quận, thị xã, thành phố...);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh...).

**Điều 2.** .....

**Điều 3.** ..... ./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như Điều...;
- .....
- Lưu: VT,...

#### **CHỦ TỊCH**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

ỦY BAN NHÂN  
DÂN HUYỆN  
(QUẬN, THỊ XÃ,  
THÀNH PHỐ...)  
**HỘI ĐỒNG ĐÁNH  
GIÁ TIẾP CẬN  
PHÁP LUẬT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG**  
**của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện**  
**(quận, thị xã, thành phố...)**  
*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-HĐTCPL ngày .../.../...  
của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật huyện  
(quận, thị xã, thành phố...))*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

**Điều 2.** Nguyên tắc và phương thức hoạt động của Hội đồng

**Chương II**

**TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

**Điều 3.** Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng

**Điều 4.** Trách nhiệm của Phó Chủ tịch Hội đồng

**Điều 5.** Trách nhiệm của thành viên Hội đồng

**Chương III**

**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG**

**Điều 6.** Chế độ họp Hội đồng

**Điều 7.** Chế độ thông tin, báo cáo

#### **Chương IV**

### **CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM**

**Điều 8.** Kinh phí hoạt động của Hội đồng

**Điều 9.** Tổ chức thực hiện.

**T.M HỘI ĐỒNG**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

## **Phụ lục IV**

# **DANH MỤC VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN XÂY DỰNG CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

## **I. VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN NHIỆM VỤ XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT**

1. Quyết định số 14/2017/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về bãi bỏ Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân ở cơ sở.

2. Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

3. Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật; Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

4. Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

5. Quyết định số 699/QĐ-BTP ngày 22/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020

và Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

## **II. VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT TRONG NÔNG THÔN MỚI**

1. Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2016 của Quốc Hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

2. Nghị quyết liên tịch số 88/NQLT/CP-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 7/10/2016 của Chính phủ và Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

3. Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

4. Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ Tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

6. Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 31/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.



**7.** Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 04/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 32/2016/QH14 ngày 23/11/2017 của Quốc Hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

**8.** Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

**9.** Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 11/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2017 của Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020.

**10.** Chỉ thị số 36/CT-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện hiệu quả, bền vững Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

**11.** Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

**12.** Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

## MỤC LỤC

<b>MỤC</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
	<b>Lời nói đầu</b>	3
	<b>Phần thứ nhất: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT</b>	5
I.	Những vấn đề cơ bản về xây dựng, đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	5
II.	Quy trình đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	23
III.	Điều kiện, thẩm quyền công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	37
IV.	Thời hạn đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	40
	<b>Phần thứ hai: NGHIỆP VỤ ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT</b>	42
I.	Chăm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật	42
II.	Hướng dẫn cách tính điểm, cách làm tròn số trong chăm điểm các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật	81
III.	Hướng dẫn một số nội dung liên quan đến tổ chức đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	85

	<b>Phần thứ ba: HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TIẾP CẬN PHÁP LUẬT</b>	90
I.	Vai trò, chức năng của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật	90
II.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật cấp huyện và thành viên hội đồng	90
III.	Thành lập, hoạt động của hội đồng	93
IV.	Quan hệ công tác giữa hội đồng, thành viên hội đồng với Phòng Tư pháp cấp huyện	97
V.	Kinh phí hoạt động của hội đồng	97
	<b>Phần thứ tư: CÁC PHỤ LỤC VỀ CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT</b>	99
	- Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	
	- Thông tư Số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp Quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật ( <i>các phụ lục kèm theo</i> )	

**Chịu trách nhiệm xuất bản**  
**ĐẶNG VĂN NGUYỄN**  
*Giám đốc Sở Tư pháp*

**Chịu trách nhiệm nội dung**  
**LÊ ANH TUẤN**  
*Phó Giám đốc Sở Tư pháp*

**Biên soạn**  
**PHẠM VĂN TĨNH**

---

In 340 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm  
Tại Công ty TNHH Tính toán, In và Thương mại Bắc Giang  
Giấy phép xuất bản số 80/GP-STTTT ngày 01/8/2018  
Do Sở TT&TT tỉnh Bắc Giang cấp.